

HỘI THÁNH TRUYỀN GIÁO CAO ĐÀI

SÔNG ĐẠO

Đông Nhâm Dần 2022 • 4



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

Ngẫm nghĩ

Văn Tư Tu

Nhìn đời, nhìn đạo vào những lúc biến thiên lên xuống, lòng người thường theo đó đổi thay: *Bi Lạc Tích Tiêu*.⁽¹⁾
Với những bậc sứ mạng thì mọi cảnh thăng trầm không làm đổi thay tâm chí.

Ngài Huệ Lương ở ngôi vị Quảng Đức Chơn Tiên vẫn đau đáu ưu tư:

*“Nói sao hết tinh thần trách nhiệm
Tỏ sao cùng quan điểm tâm tư”.*

Ngài Bảo Pháp Chơn Quân Thanh Long tha thiết:

*“Sốt chia cay đắng ngọt bùi
Lo tròn sứ mạng không lùi chí tâm
Vững lòng tin vun mầm đạo hạnh
Lập quả công tiến mạnh về Thầy”.*

Qua gương sáng đồng lao cộng sự và ngẫm nghĩ những lời tâm huyết thiết thạch của quý ngài chúng ta thấy rõ có sự tương đắc quý báu. Nhờ vậy mà những năm tháng quý ngài hành đạo là thời gian cơ đạo Trung Hưng tuy có bị thử thách mà vẫn vững vàng thăng hoa, phát triển.

Quý ngài là chức sắc lãnh đạo thuộc hai đài khác nhau cùng hòa hiệp đảm đương chu toàn việc lớn.

Trong Pháp ngữ có câu: *“Những gì lên cao thì gặp nhau”*⁽²⁾ Tư tưởng này khiến ta nhớ nghĩ đến tâm hồn cao thượng của hai vị Anh Lớn ngày xưa để cùng noi gương học tập.

⁽¹⁾ Bi quan, lạc quan - tích cực, tiêu cực.

⁽²⁾ “Tout ce qui monte, converge” Pierre Teilhard de Chardin.

HỘI THÁNH TRUYỀN GIÁO CAO ĐÀI

SÔNG ĐẠO

ĐÔNG NHÂM DẦN 2022 • 4

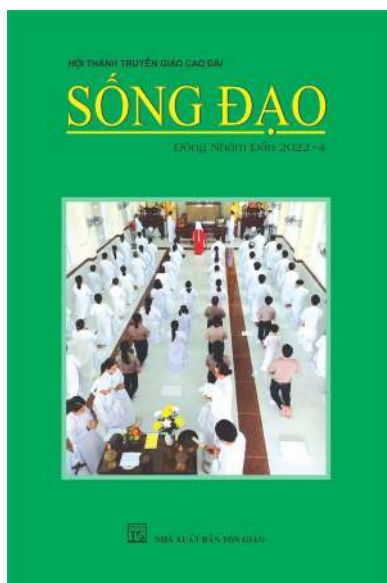
*“Chạy ra ngoài lãng xãng thì dễ
Quay vào trong định huệ khó làm”*

Bảo Pháp Chơn Quân Thanh Long

Mục lục

- Thánh giáo.
- 3 Thư Sống Đạo.
- 4 Từ Huệ Lương đến Quảng Đức Chơn Tiên.
GS Thượng Văn Thanh
Bùi Ngọc Chinh
- 9 Buông xả.
Phạm Sĩ Dũng st
- 17 Thánh truyền Trung Hưng dạy về sám hối.
Phạm Sĩ Dũng st
- 18 Lời Thánh 4
- 22 Học thuyết X, Y, và Z - Các nhận thức về người lao động và bài học chung cho người lãnh đạo
Trần Quốc Huân
- 31 Gia đình theo Giáo lý và đời sống người đạo Cao Đài.
Huệ Khải
- 41 Đức nhẫn với người tu. *Nguyễn Công Khánh*
- 48 Tâm và Tánh. *Hùng Vạn*
- 51 Luân xa trong đạo Thiên Chúa và đạo Cao Đài.
Minh Tú
- 57 Ý nghĩa về đạo số của thời điểm xuất hiện Đại đạo Tam Kỳ phổ độ. *Đạt Tường*
- 63 **Sáng tác:**
Thor: Mai Hậu • Đỗ Thị Kết • Nguyễn Quốc Huân • Phạm Thanh Sơn • Minh Trí
- 70 **Thông tin – Tư liệu:**
- 74 Danh sách công quả ấn tống Sống đạo kỳ 4/2022.

Ảnh bìa: *Nhất tâm hồi hướng.*



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

53 Tràng Thi - Hoàn Kiếm - Hà Nội
ĐT: 024.37822845
Email: nhaxuatbantongiao@gmail.com

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc
ThS. NGUYỄN HỮU CỎ

Q. Tổng Biên tập
LÊ HỒNG SƠN

Biên tập
VŨ VĂN HIẾU

Trình bày
KIM TRÚC

Sửa bản in
TIẾN TRIỀU

Đơn vị liên kết: Ông NGUYỄN HỒNG VĂN

Địa chỉ: Cơ quan Phổ tế
Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài,
63 Hải Phòng, thành phố Đà Nẵng.

In 2.050 bản, khổ 15,8 x 24 cm,
tại Công ty CP In và Dịch vụ Đà Nẵng,
số: 420 Lê Duẩn, phường Chính Gián,
quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.
ĐT: 0236. 3823371

Email: daprico@gmail.com

Số DKXB: 3316-2022/CXBIPH/05-129/TG

Mã ISBN: 978-604-61-8853-7

QĐXB: 562/QĐ-NXBTG ngày 22/9/2022

In xong và nộp lưu chiểu quý 4/2022.



Thư Sóng Đạo

*T*hưa quý huynh tỷ!

Sóng Đạo phát hành theo âm lịch và các lễ tiết nên số Đông và số Xuân (số tết) gần sát nhau cũng có chỗ không hay. Dồn chung hai số Đông và Xuân làm một thì thiếu sót.

Giải quyết chỗ “không hay” và “thiếu sót” ấy, Sóng Đạo chọn cách vẫn thực hiện đủ 4 tập/ năm và phân chia theo thời gian âm lịch như sau:

- Số Xuân phát hành vào thượng tuần tháng Chạp, dành cho chung niêm sám hối và các lễ đầu năm âm lịch.
- Số Đông phát hành thượng tuần tháng mười Âm lịch.
- Hai số Hạ và Thu vẫn giữ như cũ.

Sóng Đạo cố gắng làm theo sự sắp xếp này. Riêng số này vì đang trong giai đoạn chỉnh đốn nên ra trễ. Mong quý huynh tỷ thông cảm.

Về việc viết bài thì các huynh tỷ tùy theo các cuộc lễ mỗi mùa và tùy duyên, tùy cảm hứng sáng tác mà chung sức với Sóng Đạo.

Thân Ái.

TỪ HUỆ LƯƠNG ĐẾN QUẢNG ĐỨC CHƠN TIÊN

GS Thượng Văn Thanh

Đạo Trưởng Huệ Lương sanh năm 1902 về Thầy năm 1980. Hưởng thọ 78 tuổi.

Từ thuở ấu thơ cho đến khi qui Tiên, cuộc đời của Ngài về mặt đời lẫn mặt đạo và cả khi về Thầy đều có nhiều đặc biệt.

Những đặc biệt ấy, chúng ta nên tìm hiểu, suy niệm và biết vận dụng chắc chắn có ích lợi cho cuộc đời tu thân, hành đạo, lập công của mỗi người chúng ta.

1. Căn tu hé lộ

Trong nhân loại có những trường hợp mà năng khiếu và khuynh hướng đặc biệt phát hiện rất sớm.

Về sự thông minh, trí tuệ người ta gọi đó là thần đồng. Về mặt tâm linh thường được xem như là có căn tu.

Nơi ngài Trần Văn Quế có những dấu hiệu vốn sẵn căn tu hiện ra từ thuở ấu thơ.

Theo tự thuật viết tay, bản lưu trữ tại Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài nhan đề: “*Tiểu sử đời tu hành của ông Trần Văn Quế, đạo hiệu Huệ Lương*” và các tham khảo khác thì từ lúc 7 tuổi cậu bé Quế đã bắt chước người lớn bày các trò chơi tang ma chôn xác những con vật nhỏ. Trong nhà cậu làm một trang thờ Phật với linh vị có hai chữ nhỏ “Phật Tổ”, lấy chân đèn bằng đồng làm chuông và hằng ngày đến đó cúng bái.

Năm 15 tuổi cậu học lớp Nhì (lớp 4 ngày nay). Mùa nghỉ hè cậu rủ bạn bè vào rừng dựng chòi cúng bái mà chẳng biết thờ ai cả.

Năm 23 tuổi khi học ban Tú Tài tại trường Chasseloup Laubat ở Sài Gòn, cậu được bạn học cho quyển Tây Qui Trục Chỉ, quyển này

khuyên bá tánh niệm Phật, cầu vãng sanh vào cõi Tịnh Độ của Phật A Di Đà. Nhờ đó cậu hiểu biết pháp môn Tịnh Độ nên phát tâm ăn chay, tụng kinh vào hai ngày sóc vọng. Về sau khi về dạy tại Trường Petrus Trương Vĩnh Ký, thầy giáo Quế vẫn giữ cách tu hành như vậy.

Khi là sinh viên Cao đẳng Sư phạm Đông Dương tại Hà Nội, trưởng lớp Trần Văn Quế đã làm đồng tử cùng các bạn cầu cơ.

2. Trở trở đường tu

Năm 1928, ở tuổi 26, thầy Quế về dạy tại Trường Petrus Trương Vĩnh Ký. Bảy giờ mẹ và người anh thứ tư đã nhập môn Cao Đài tại Long Thành và cùng lên Sài Gòn khuyên thầy nhập môn nhưng thầy Quế từ chối rằng mình đã theo Phật lâu rồi nay qua Đại Đạo sợ mang tội phản sư.

Bà mẹ và người anh thứ tư đã thêm nhiều lần cố khuyên con và em nhập môn nhưng đành chịu thua. Thầy Quế vẫn chí thành tu theo Tịnh Độ và có những giấc mơ khiến Thầy tin rằng mình đã được Phật chứng giám.

Thế nhưng những việc đã qua khiến lòng thầy Quế luôn luôn trở trở. Tiếp theo, có ba giấc mơ kỳ lạ, như có người bảo thầy phải tuyên xưng mình là người Cao Đài hoặc cho thấy Thiên Nhân. Những giấc mộng ấy khiến thầy nghĩ rằng chắc do Thiên ý soi dẫn nên Thầy quyết định xin nhập môn tại Thánh Thất Phú Hội thuộc huyện Long Thành, Biên Hòa.

3. Công chưa thành nhưng ý chí đã thành

Sau khi nhập môn, thầy Quế tiếp tục dạy học tại Trường Petrus Ký và hành đạo tại Thánh Thất Cầu Kho, ở quận 1, Sài Gòn.

Trong một lần hầu đàn, thầy Quế được Đức Chí Tôn điểm hồng danh, nhắc lại việc đã qua và báo trước hành trình sắp tới:

“Quế! Nếu Thầy không cho chư Thần theo dắt con trở lại thì con đã đi lạc hướng rồi. Bây giờ con nghĩ sao? Ráng nhứt tâm, sau sẽ thọ lệnh”.

Thầy giáo Quế cùng với người anh thứ tư là Trần Văn Tồn được Đức Giáo Tông ban Thánh danh tại Thánh Tịnh Ngọc Tuyên làng Long Tân, tỉnh Biên Hòa:

*“Tồn tâm Huệ Thánh độ nhơn hiền
Quế đức Huệ Lương trợ bổn nguyên”.*

Về mặt hữu hình, chúng ta có thể nhận biết tài năng đức độ của Ngài Huệ Lương Trần Văn Quế thế nào khi thấy ra rằng Ngài đồng thời là chức sắc cao cấp thuộc ba tổ chức Đại Đạo có uy tín:

- Vĩnh Tịnh Sư - Minh Lý Thánh Hội
- Tổng Lý Minh Đạo - Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo
- Ngọc Phối Sư - Chủ trưởng Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài.

Về mặt thiêng liêng vô hình, Ngài được Đức Chí Tôn điểm đạo như sau:

“Trần văn Quế là một nguyên căn xin Thầy nguyện xuống Thánh địa Việt Nam lập công hành đạo, phò trì chánh pháp. Trải qua thời gian 54 năm qua, một lòng chung thủy với Đạo, kham nhiệm quyền pháp từ dưới lên trên, làm tròn bổn phận Lễ Sanh rồi nhờ công hạnh siêng cần Thầy ban cho Giáo Hữu, thăng phong nhiệm Giáo Sư, công dày chí lớn nên được vào hàng sứ mạng thọ phong Phối Sư đến Ngọc chánh Phối Sư kiêm Chủ Trưởng Truyền Giáo, Tổng Lý Minh Đạo Cơ Quan”.

“Công hạnh ấy, tâm đức ấy; Huệ Lương Trần văn Quế đã hy sinh đóng góp thật nhiệt thành, bốn ba khắp nước, thiết tha với sự hòa hiệp. Chí hướng ấy trọn đời ôm ấp để thực hiện hai chữ “dung hòa”. Mặc dầu chưa thành công, nhưng ý chí đã thành.

Thầy phong: QUẢNG ĐỨC CHƠN TIÊN”.

4. Người xưa để lại người sau

Qua các thời kỳ Khai giáo, thì Nhứt kỳ, Nhị kỳ Phổ độ cho đến ngày nay, Đấng Chí Tôn thường mượn các bậc nguyên căn sứ mạng để mở đạo, truyền đạo.

Ngài Huệ Lương Trần Văn Quế là một trong các đấng bậc ấy.

Huynh đệ chúng ta, ai được mong duyên gần gũi tiếp xúc với Ngài thì nhận được nhiều bài học về thân giáo.

Sau khi về Thầy, được ân phong tôn hiệu Quảng Đức Chơn Tiên, ngài thường lâm cơ tâm sự với chư huynh đệ cộng sự còn lại cũng như khuyên nhủ giảng dạy cho lớp đàn em. Học hiểu, chiêm nghiệm, thấm nhập những lời dạy của Ngài Quảng Đức Chơn Tiên giúp ích rất nhiều cho cuộc đời bồi công lập đức, phụng thiên sự dân của mỗi chúng ta.

Sau đây xin dẫn một số Thánh ngôn của Ngài:

1- Cảnh giác để tránh mê mờ của thất tình lục dục

*“Không thoát khỏi cái mê hồn trận,
Dầu trí ngu cũng vẫn hãm mình;
Ai không sáu dục bảy tình,
Móng tâm liền bị vô minh phủ mờ”.*

2- Môn sinh Cao Đài nên vượt lên trên những hạn hẹp thấp kém

*“Không sự thế giới ranh hạn hẹp,
Thì Đạo Trời vui đẹp biết bao;
Cao Đài là cái Đài cao,
Vượt trên tất cả đón rào ngăn che”.*

3- Chấp nhận ma luyện, thử thách để nâng cao phẩm giá

*“Bảo tồn những cái chân thiện mỹ
Hủy diệt điều ác nguy xấu xa
Lọc vàng loại chất cặn ra
Vàng càng nung lửa càng gia tuổi vàng”.*

4- Nhắc nhở chung cho ba tổ chức Đại Đạo:

*“Chư Thiên ân sát son gìn giữ
Mối Đạo Trời tuần tự hóa hoằng
Trung Hưng, Minh Lý, Cơ Quan
Tuy ba mà một chu toàn đồng thân”.*

Qua tìm hiểu cuộc đời của ngài Trần Văn Quế từ lúc ở thế đến khi đăng Tiên chúng ta thấy rằng ngài là một bậc có căn tu. Căn tu ấy có từ xưa, có thể từ nhiều kiếp trước nên khuynh hướng tâm linh sớm tỏ lộ từ thuở thơ ấu. Rồi ngài được thăng tiến qua các phẩm vị hữu hình và khi về Thầy đắc quả Chơn Tiên. Từ Trần Văn Quế đến Huệ Lương rồi đạt Tiên vị Quảng Đức, đó là một sự diễn tiến rõ ràng từ Nhân đến Quả. Đó là tấm gương tu sáng rọi cho mỗi chúng ta. Ngoài ra gương sáng ấy còn lưu lại ánh sáng ưu tư cho lớp người kế tục với lời nhắc nhở:

*“Chư Thiên ân sát son gìn giữ
Mối Đạo Trời tuần tự hóa hoằng
Trung Hưng, Minh Lý, Cơ Quan
Tuy ba mà một chu toàn đồng thân”.*

Xin hãy cầu nguyện cho mình, cầu lẫn cho nhau để có thể CHU TOÀN ĐỒNG THÂN giữa ba tổ chức Đại Đạo.

BỔ SUNG:

Bài Thánh giáo do Quảng Đức Chơn Tiên giảng cho khi ngài được ân phong tiên vị được Hội Thánh in đủ trong bộ TTTH năm... nhân kỷ niệm... năm thành lập Hội Thánh.

Bộ TTTH in năm 2017 thì thiếu một đoạn so với bản photo nói trên. Nay xin bổ sung đoạn thiếu ấy như sau:

“Nay Minh Lý Thánh Hội, Cơ quan Phổ Thông Giáo Lý, Đạo sự cũng tạm yên bài đặt trọng tâm tìm người nối tiếp Đạo nghiệp, đó là điều quan trọng. Riêng Hội Thánh Truyền Giáo có phần nặng nhọc, cơ sở rộng, việc nhiều người ít, hoàn cảnh chật vật. Mặc dầu chư Chúc sắc, Đạo tâm các nơi vẫn giữ nhiệt tình tin Thầy giữ Đạo. Giữ đúng cương vị thuần chơn đạo đức và gây thiện cảm khắp trong ngoài thật đáng khích lệ! Nhưng cũng còn một thiếu sót vì còn nặng tâm tư bản ngã, thiên chấp cá nhân, nhất là Hội Đồng Hội Thánh sáu năm qua chưa họp được, Chúc sắc lãnh đạo Hội Thánh có tính cách địa phương, nên phần lãnh đạo tinh thần không tạo được sự hào hứng cho toàn Đạo, thật là điều đáng tiếc vậy.

Từ Tệ huynh qui Tiên, nội bộ có phần giao động, nỗi lo người kế vị, nỗi mong cải tiến tinh thần mới, sinh khí mới cho nội bộ, Tệ huynh xét thấy còn khó khăn, phải tuân tự hành Đạo tu học. Hiện thời phần trọng trách còn THANH LONG, nhưng vì sức khỏe, vì tiêu biểu cho Hiệp Thiên Đài, nên chức vụ chủ trưởng cũng là mối lo âu cho toàn Đạo.

Nhưng cũng có thể an bài như Đức Chí Tôn đã định đoạt, như Tiên huynh đã nói trên vẫn còn sứ mạng cộng sự với Hội Thánh, thì chư Chúc sắc cũng nên vững vàng trong các sinh hoạt nội bộ, đừng nên xao lãng. Điều quan trọng nhất là đoàn kết, thương yêu nhau mới là căn bản của mọi vấn đề.”

Còn lại đây những hàng trách nhiệm quan trọng: Long - Hồ - Luyện - Thi - Thanh - Tín - Trường - Phẩm - Hậu - Sinh - Dinh, và tất cả toàn Đạo cũng đồng tâm nhất trí hướng tới mục đích cao cả trong cơ Tận độ quần sanh. Tệ huynh vẫn hộ trì mọi mặt. Đến ngày Khai Minh Đại Đạo sẽ được chỉ vẽ thêm”.





Về từ ngữ, Buông và Xả là hai từ khá gần gũi với chúng ta. Buông là rời khỏi; để cho rời khỏi tay, không cầm giữ nữa. Xả là làm cho thoát ra như xả nước; làm cho sạch như xả quần áo.

Ngoài ra, với từ Hán Việt thì XẢ có nghĩa là một trong bốn đức vô lượng (Tứ Vô Lượng Tâm): TỪ, BI, HỖ, XẢ. Trong đó, XẢ là lòng cho đi, tha thứ cho người, tự mình hy sinh để giúp cho chúng sanh được an lạc, không kể kẻ lạ người quen, kẻ oán người thân.

Như vậy, BUÔNG là từ thuần Việt, còn XẢ có khi dùng từ Hán Việt cũng có khi dùng từ thuần Việt. Đôi khi chúng ta dùng chung hai từ BUÔNG XẢ để nói đến ý buông ra hoặc cho đi tức là bố thí, và cũng có lúc chúng ta chỉ dùng một từ BUÔNG.

Với chúng ta là những người môn đệ của đức Cao Đài: BUÔNG hay BUÔNG XẢ là một việc khá hệ trọng trong tu hành. Buông cái gì? Khi nào Buông? Buông như thế nào? vv... luôn luôn hằng tồn trên bước đường tu học, hành đạo và cả cuộc sống của chúng ta.

Trong bài viết này sẽ trình bày nội dung bằng những câu chuyện kể. Kết thúc mỗi câu chuyện là một vài chia sẻ để từ góc nhìn này chúng ta có thêm nhiều góc nhìn khác, biết đâu trong một lúc nào đó, chúng ta lại ngộ được nhiều điều quý báu cho việc tu học, hành đạo của chính mình và cho cả huynh đệ đồng tu.

Câu chuyện 1: Sao để đến thật đau mới buông?

Có một cô gái đáng bộ vô cùng mệt mỏi, bước đi nặng nề đến tìm một nhà sư, cô hỏi:

- Thưa thầy, con muốn buông một vài thứ mà không thể, cuộc sống của con luôn mệt mỏi và đầy đau khổ.

Nhà sư mời cô gái ngồi xuống, đưa cho cô gái một cốc nước và bảo cô cầm, đoạn ông liên tục rót nước sôi vào cốc. Nước trong cốc càng nhiều cốc dần nóng lên đến độ da đã có thể bị bỏng nhưng cô gái vẫn quyết tâm giữ lấy cái cốc. Nhà sư vẫn cứ rót nước vào cốc đến khi nước chảy tràn ra cả tay, làm cô gái bị phỏng. Khi ấy cô gái mới buông tay làm vỡ cốc.

Lúc này nhà sư từ tốn nói:

- Đau rồi tự khắc sẽ buông!

(Sưu tầm)

Tại sao phải đợi tổn thương thật sâu rồi chúng ta mới buông? Soi vào chính mình chúng ta có như cô gái trong câu chuyện này không? Và rất nhiều người trong chúng ta vì cố chấp hay vì nghiệp sâu dày mà chỉ đợi *đau* thật sâu rồi mới BUÔNG!

Câu chuyện 2: Không phải cứ đau là buông.

Một chàng trai trẻ đến tìm sư trụ trì ngôi chùa gần nơi anh làm việc để xin thỉnh giáo. Chàng trai cất tiếng:

- Thưa thầy con muốn buông xuôi vài thứ nhưng con do dự quá. Cuộc sống của con đầy áp lực làm con mệt mỏi vô cùng.

Sư trụ trì đưa anh ta một tách và bảo anh cầm, đoạn ông từ từ rót đầy tách trà nóng vừa mới pha xong.

Trà mới pha làm ly nóng quá muốn phỏng tay nhưng chàng trai trẻ vẫn không buông ly trà mà chuyển từ tay này sang tay kia cho đến khi ngón dần đi rồi mới uống và cảm nhận trà rất ngon. Lúc này nhà sư từ tốn nói:

- Cứ đau là buông thì con đã bỏ lỡ những cái tốt đẹp sau đó rồi!

(Sưu tầm)

Câu hỏi cho chúng ta sau câu chuyện này là tại sao cứ đau là phải buông trong khi còn có thể làm cho nó tốt đẹp lên.

Trong cuộc đời phức tạp này làm khó cho chúng ta thật sự! Buông rồi không buông! Rồi có buông hay không? Câu chuyện thứ 3 sau đây có giúp chúng ta giải quyết được vấn đề khó này hay không?

Câu chuyện 3: Người sẽ được kho tàng trên trời!

Trong Kinh Thánh có câu chuyện như sau: Một hôm, có một người thanh niên đến thưa với Đức Giê-su rằng: *“Thưa Thầy, tôi phải làm điều gì tốt để được hưởng sự sống đời đời?”*

Đức Giê-su đáp: *“Sao anh hỏi tôi về điều tốt? Chỉ có một Đấng tốt lành mà thôi. Nếu anh muốn vào cõi sống, thì hãy giữ các điều răn.”*

Người ấy hỏi: *“Điều răn nào?”*

Đức Giê-su đáp: *“Người không được giết người. Người không được ngoại tình. Người không được trộm cắp. Người không được làm chứng gian. Người phải thờ cha kính mẹ, và Người phải yêu đồng loại như yêu chính mình”.*

Người thanh niên ấy nói: *“Tất cả những điều đó, tôi đã tuân giữ, tôi còn thiếu điều gì nữa không?”*

Đức Giê-su đáp: *“Nếu anh muốn nên hoàn thiện, thì hãy đi bán tài sản của anh và đem cho người nghèo, anh sẽ được một kho tàng trên trời. Rồi hãy đến theo tôi”.*

Nghe lời đó, người thanh niên buồn rầu bỏ đi, vì anh ta có nhiều của cải.

(Mt 19,21-22)

“Hãy đi bán tài sản của anh và đem cho người nghèo. - Nghe lời đó, người thanh niên buồn rầu bỏ đi, vì anh ta có nhiều của cải”. Nếu là chúng ta trong hoàn cảnh này cũng thật là khó để nghe theo lời Đức Giê-su. Làm sao buông khi chúng ta chưa thể biết được kho tàng trên trời cao ấy như thế nào? Có chắc không? Cho nên, Đức Bảo Thọ Thánh Nương có dạy:

*“Việc đời việc đạo hai vai,
Cho cân cho xứng mới tài mới khôn.”*

(TTTHGP, đàn 01/7/Giáp Thìn – 1964)

Chúng ta chưa dám buông việc thế ngay bây giờ thì việc ĐỔI việc ĐẠO cho cân cho xứng cũng là diệu dụng trong việc tu hành, dành cho môn đệ của Đức Cao Đài trong Kỳ Ba Đại Ân Xá này, khi mà việc tu hành không thể như các thời kỳ trước. Chúng ta phải biết uyển chuyển,

biết khế hợp giữa việc đời việc đạo mà lần mò trên đường trở về với Thầy Mẹ vì thế gian này là trường học trường thi như lời Thánh giáo của Đức Cao Đài giảng dạy:

“Mở mắt chào đời, người đà thấy khổ. Ôi! Từ sanh chí tử, biết bao nhiêu là nạn nọ tai kia, đến khi lưng mỏi gối dùn lại bịnh tật phát sanh, chồng chấp muôn vàn sự khổ.

Nhưng thế gian đâu là chí khổ, mà khổ ấy lại cần phải có, vì có khổ ấy thì thế gian mới là một cái trường thi tấn hóa cho nhân loại.

Tuy nhiên, Thầy nay hỏi thử các con: Có thiệt tại đời là khổ, hay tại ở các con tạo gây lấy khổ cho mình?

Các con hãy xét: Đời đâu có khổ, chỉ tại các con chác khổ mà thôi. Bao nhiêu sự ham muốn, đắm mê, làm lạc, là bao nhiêu con đường mở rộng để rước ngay cái khổ vào mình. Không ham muốn, đắm mê, làm lạc, thì làm sao có oan khiên, quả báo, luân hồi? Hễ ham vinh hoa phú quý thì chịu tâm khổ, thân lao; mà muốn vợ đẹp con khôn lại bị thế thăng tử phược. Cớ mắng say mê trong trường mộng ảo, miệt mài theo bốn vách, chịu lụy với bảy tình mà theo đuổi muôn vàn điều ưa thích muốn ham. Thế mới gây nên những cái thảm họa tàn khốc cho thân nằm chật đất, máu chảy thành sông, thì biểu sao luân thường không bại hoại, đạo đức chẳng suy đồi.” (Đại Thừa Chơn Giáo, đàn ngày 26/8/Bính Tý-1936).

Chúng ta đã trải qua những tình huống khi quá đau sẽ buông nhưng biết cách không buông vì sau đó có nhiều điều tốt đẹp hơn rất nhiều. Rồi khi chưa BUÔNG thì làm sao để đời đạo hai vai cho cân cho xứng. Giờ là đến lúc chúng ta cần buông những cái bên trong xem thử như thế nào!

Câu chuyện 4: Thế mà con vẫn còn công cô ấy à!

Một chú hầu đồng đi cùng với đạo sĩ của mình. Họ đến bên dòng suối nước chảy xiết thấy một cô gái trẻ đang bước tới lui trên bờ, trông cô rất buồn.

“Có chuyện gì thế?”, vị đạo sĩ hỏi cô gái.

“Tôi lo lắng quá. Cha tôi đang ốm nặng, tôi cần băng qua suối để về chăm sóc cha nhưng sợ té ngã, dòng nước sẽ cuốn trôi đi”, cô gái đáp.

“Ồ! Tôi có thể cống cô qua suối”, vị đạo sĩ trả lời.

Cô gái bối rối nhưng vì cần phải qua suối gấp mà không có chọn lựa nào khác nên chấp nhận sự giúp đỡ. Đạo sĩ cống cô qua bờ suối bên kia, đặt cô xuống rồi chào từ biệt.

Chú hầu đồng vô cùng kinh ngạc trước chuyện vừa diễn ra. Chú biết người xuất gia không được phép đụng chạm nữ giới mà sao thầy mình lại dễ dàng hành động như vậy. Tâm trạng của chú rất khó tả khi đứng trước tình huống này và lại là một cô gái trẻ đẹp nữa chứ! Chú cứ ầm ục giày vò vì chuyện này suốt đường đi. Đến cuối ngày, không chịu nổi chú đành nói với thầy về tâm trạng của mình với sự việc đã xảy ra.

Khi đạo sĩ nghe xong trình bày của chú tiểu thì bật cười lớn. Đạo sĩ nói “Ta đã đặt cô gái xuống khi sang đến bờ suối bên kia lâu rồi, thế mà con vẫn còn cống cô ấy à?”.

(Sưu tầm)

Câu trả lời của vị đạo sĩ cho chúng ta nhiều suy nghĩ.

Thứ nhất là hãy đặt chúng xuống, không tiếp tục mang vác chúng nữa. Đó chính là sự buông bỏ trong tâm trí thật sự vô cùng quan trọng. Qua đây chúng ta thấy việc tu THÂN - KHẨU - Ý thì Ý là cái khó tu.

Thứ hai là phải có tâm TỪ mới có thể thực hiện được hành động này. Ngay sau đó là tâm XẢ để buông bỏ một cách nhẹ nhàng không dính mắc. Hay nói khác hơn, đạo sĩ đã thực hiện được tứ vô lượng tâm (TỪ BI HỖ XẢ) trong trường hợp này. Đó là cái diệu dụng của người tu hiểu và hành được các pháp tu vào cuộc sống này.

Cũng từ chỗ này, có rất nhiều bài học trên đường tu học cho chúng ta: Bề ngoài chúng ta đã buông rất nhiều, đã cho đi rất nhiều nhưng bên trong nhiều khi vẫn còn giữ khư khư như: *Thực hiện công quả nhưng cũng muốn có tên mình trong danh sách xướng danh; Thực hiện một đạo sự xong cũng muốn được khen ngợi hơn là muốn được kiểm thảo cho lần sau hoàn thiện hơn; Thực hiện một kế hoạch hay chương trình nào đó luôn đòi hỏi cho bằng được phải có ý mình ở trong đó dù ý đó chưa hoàn bị; Mình được phân công làm công việc cố vấn nhưng luôn lấn quyền của người điều hành;...* Qua đây chúng ta mới thấm lời dạy của Đức Cao Đài:

*“Con rõ Đạo, con biết mùi,
Thì con lựa chọn tới lui nẻo nào?
Tinh thần đừng để lãng xao,
Tâm hồn lay động quỷ ào chen vô.
Mắt, tai, mũi, miệng, ý, đồ,
Chớ buông lung nó mà khô tinh thần”.*

(ĐTCG, đàn 15/8/Bính Tý - 1936)

Ôi cái tâm phàm khiến chúng ta cứ lặn hụp trong cõi trần. Thế nhưng, nếu chúng ta nhất tâm tu học thì làm gì để quỷ ma chen vào tâm của chúng ta được như câu chuyện về thiền sư Bạch Ẩn.

Câu chuyện 5: Thật vậy sao!

Thiền sư Bạch Ẩn được mọi người tán tụng là một bậc đạo hạnh. Cạnh thiền thất có một cô gái xinh đẹp mà bố mẹ là chủ một cửa hàng thực phẩm. Bỗng dưng một hôm bố mẹ cô phát hiện rằng cô đang mang bầu. Cô không chịu khai ai là tác giả của cái bào thai, nhưng sau bao lần cha mẹ cật vấn cô bảo tác giả là thiền sư Bạch Ẩn.

Cha mẹ cô gái điên tiết vô cùng và đến đối chất với thiền sư Bạch Ẩn. Ngài chỉ nói *“Thật vậy sao!”*.

Ngay khi đứa bé vừa chào đời, nó được mang đến giao cho thiền sư Bạch Ẩn, lúc bấy giờ danh dự của ngài đã bị tổn thương nghiêm trọng, nhưng ngài vẫn thản nhiên nhận đứa trẻ. Ngài tận tình chăm sóc đứa bé và thường đi sang hàng xóm để xin sữa và các thứ cần thiết khác để nuôi trẻ sơ sinh, cứu vớt mạng sống cho nó.

Một năm sau, cô gái kia không chịu đựng được lương tâm cắn rứt, bèn thú nhận với bố mẹ rằng người cha thật sự của đứa bé là anh chàng trẻ tuổi ở xóm bên. Bố mẹ cô gái vội vã đến tạ lỗi với thiền sư, mong ngài thứ tội và xin nhận lại đứa bé.

Thiền sư Bạch Ẩn chấp thuận và khi trao đứa bé lại ngài chỉ nói: *“Thật vậy sao!”*.

(Phỏng theo sách Thiền đến phiên đi)

Oan ức không tức giận, giải được oan không đắc chí, qua 2 lần gặp chỉ với một câu nói *“Thật vậy sao!”* đủ cho chúng ta thấy người có

bề dày tu học, đã ngộ được đạo pháp thì luôn vượt qua khảo đảo một cách sáng suốt và để lại cho người sau bài học quý. Đây cũng là lời dạy của Đức Hiệp Thiên Đế Quân: *“Phật đã thường dạy cho đệ tử ‘Thượng oán tứ dữ thượng lạc’, người ta thường oán ghét mình bao nhiêu thì mình lại càng đem tình thương sự sống mà trả lại, như thế sự oán kia mới mong tiêu được, mỗi thị phi mới không còn thêm ra nữa.”* (TTTHGP, đàn ngày 23/10/Nhâm Dần – 1962)

Qua 5 câu chuyện BUÔNG chúng ta nhận ra:

Thứ nhất: Đau tất sẽ buông.

Thứ hai: Không hà có gì cứ đau là buông mà biết cách làm giảm cái đau thì kết quả vô cùng quý giá.

Thứ ba: Khi chưa buông được thì làm sao? Hãy nhớ lời Thánh giáo:

*“Việc đời việc đạo hai vai,
Cho cân cho xứng mới tài mới khôn”.*

Thứ tư: Buông bỏ trong tâm trí thật vô cùng khó. Phải có tâm TỪ mới giúp tâm XẢ trong hoàn cảnh này.

Thứ năm: Oan đến tức là cơ hội để dứt nợ trần. Ai ngộ được chỗ này thì đường về cõi thiêng liêng hằng sống đã rộng mở. Chỉ thế thôi!

Trong cuộc đời vốn phức tạp này, chỉ có ta mới biết lúc nào nên buông, lúc nào chưa buông và lúc nào không nên buông! Do đó tu là khó nhưng tu là quý! Tại sao quý! Quý vì tu là một hành trình không ngừng nghỉ cho đến khi rời khỏi cuộc đời này chưa chắc đã hết tu! Quý vì tu không thể dục tốc hay chỉ một giai đoạn, một phong trào mà nó là hành trình hết ngày này sang ngày khác, hết năm này đến năm khác mà chúng ta không được chán nản hay dừng lại rồi bỏ cuộc. Phía trước luôn là con đường hằng sống đang đón chờ chúng ta. Trong cuộc sống này có nhiều chướng ngại, phong ba nhưng chúng ta không vượt qua thì thủy chướng, cuồng phong sẽ đến cuốn trôi chúng ta đi mất. Chúng ta hãy đón nhận và thực hiện như lời Đức Cao Đài giảng dạy:

*“Gìn tâm chẳng để buông lung,
Cúi lòng nhẫn nhịn giây dùn dứt coi!”*

(ĐTCG, đàn 04/9/Bính Tý – 1936)

Thật vậy! Được sinh ra làm người ở cõi trần này là một ân huệ lớn để chúng ta có cơ hội lập công mà trở về. Với người nào biết đạo, học đạo và hiểu đạo để hành đạo thì phải cúi, phải lòn, phải nhẫn, phải nhịn để giữ được sợi dây mong manh không bị đứt mà luôn thấy lối về cõi thường hằng cùng Thầy Mẹ và các Đấng Thiêng liêng trong một ngày không xa.

Qua 5 câu chuyện vừa kể về buông cảm nhận là chưa có đầu, chưa đủ thân và cũng chưa thể kết. Xong, những cái đứt quãng, thiếu thốn này đôi khi lại là cái cớ cho huynh đệ chúng ta có dịp thực hành buông một lần thử cảm giác như thế nào. Biết đâu ai đó trong chúng ta chợt NGỘ ra điều gì tâm đắc cho việc tu hành của mình và đồng đạo sẽ quý báu biết chừng nào.

Chúng ta cùng chiêm nghiệm lời Thánh giáo của Ngài Thiên Bảo Chơn Quân để giúp tâm mình sâu lắng hơn trên bước đường tu học.

*“Đường đời muôn lối lại qua
Vì đời lắm lạc bởi ra nhiều đường
Đạo màu duy nhất một phương
Lặng lòng buông xả là đường cao siêu”.*

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển - Pháp Chánh Truyền - Tân Luật, NXB Thuận Hóa, 1996;
2. Thánh Truyền Trung Hưng, NXB Tôn giáo, 2017;
3. Thánh Truyền Trung Hưng Giáo Pháp, bộ 2 cuốn - Lưu hành nội bộ;
4. Đại Thừa Chơn Giáo, NXB Hồng Đức, 2020;
5. Đan Minh, Thiên Đền – Phiên Đi, NXB Phương Đông, 2011;
6. Đoàn Trung Còn, Từ Điển Phật Học, NXB Tổng hợp TP.HCM, 2011;
7. Tài liệu trên internet.

THÀNH TRUYỀN TRUNG HUNG

Dạy về sám hối

Phạm Sĩ Dũng st

Trời Phật lúc nào cũng từ bi, nghe được một chúng sanh phát lòng hồi hướng đầu thành sám hối thì chư Thiên Bồ Tát đều hoan hỷ hộ trì, phương chi một số người đồng thành phát lòng sám hối thì sự hoan hỷ vô cùng, nào khác chi đứa con lưu lạc nay được trở về. Song nói về khóa tịnh này Lão cũng vui vui buồn buồn lòng chưa viên mãn. Đã là tu bao giờ cũng vượt trên thường tình mà tiến bước, đã là tịnh thì cũng tránh ác được tập quán nhỏ nhen. Mục thẳng đau lòng cây cong, lời ngay cũng không tránh ít nhiều bất mãn, nhưt là khi giao ước với nhau lập thành qui luật để ngăn ngừa ma chướng. Bên trong bên ngoài, nội công ngoại kích phá vỡ đại nghiệp lâu dài, chư hiền đã phạm nội qui nhà tu, phạm vào Quyền pháp chính bản, thì làm sao còn bước đến đâu, nếu lượng sức không xong thì chớ nên nhúng tay vào đường lối thanh tịnh mà làm trở ngại cho sau này.

Lão cũng không phải quên phần cố gắng của chư hiền đã vượt qua được nhiều chướng ngại. Người ta ở đời cũng khó làm được những việc, xa nhà một ngày, huống gì một tháng, tình thương con vợ luyến bận gia đình, việc làm sanh sống ở nhà. Các hiền đi rong chỗ nọ chỗ kia, mất lượn qua các trò vui trêu diễn, tai tiếp các giọng âm thanh mê ru rĩ đẹp lòng. Hôm nay vào đây, ăn có bữa ngủ có giờ, không được nói đùa chơi bướng, đi ngoài khuôn phép, ăn quà trái bữa, mà trầu thuốc cũng tuyệt không. Bao nhiêu đó cũng tỏ được lòng chư hiền biết khép mình trong khuôn luật cầu tu cầu học. Song một lời khen chưa đủ, phải làm sao cho trọn mới đáng mặt môn đệ tịnh viên.

(Tịnh Đường-23/9/Giáp Thìn-ĐĐ39TTTHGP II, tr.108)

Lời thánh 4:

*Ngày nay tôn giáo đại đồng,
Trộn quyền Chủ Tể Tiên Ông giáng trần.
Mừng thay cho kẻ hữu nhân,
Tiền căn tu phước gặp lần Kỳ Ba.*

*(Đức Thích Ca Như Lai,
TT Thanh Quang, 8.4. Bính Tý (1936))*

Phúc Nguyên

Những ngày tháng Mười xưa cũ lại về trong tâm **tín** những người tín đồ áo trắng, lại cứ miên man không dứt chuyện nhân duyên được hay mất, dang dở hay trọn vẹn, nhợt nhạt hay sâu đậm... trên bước đường trần gió bụi mịt mờ, giữa giấc mộng xuân thu của đời người. Cũng đã gần một trăm năm dâu bể, nên ký ức người đời cũng đã nhuốm màu quang âm tuế nguyệt mà nhạt nhòa trong tâm tưởng? Liệu tôi đã sống trọn vẹn sâu đậm với cơ duyên ngàn năm có một ấy?

Mỗi một con người đến thế gian phù hoa này, đều là khách qua đường vội vã. Giữa bộn bề

của được mất, hơn thua, có những cơ duyên bị làm lẫn, đánh mất, có những cơ duyên mới được vô tình tạo ra. Có những người khi gặp gỡ họ, chỉ cần quay mình là quên mất; có những người dẫu chỉ vội vã lướt qua nhau, buộc phải quay đầu nhìn lại.

Trên thế gian này luôn có những người phải đợi trải qua muôn vàn cuộc vui, mới nhận ra phải quay đầu, phải đợi đến lúc chia ly thất tán, mới bắt đầu hiểu được trân trọng, đợi đến lúc vật còn người mất, mới bắt đầu nhớ nhung! Thế nên cơ duyên được gặp gỡ một người một việc, được đi trọn vẹn một đoạn đường hồng trần khói lửa, được sống sâu

đậm dài lâu với những mối giao cảm chân tình, là một định phận rõ ràng từ kiếp trước. Có người bảo rằng mọi sự gặp gỡ trên thế gian đều là cửu biệt trùng phùng, là xa cách lâu ngày gặp lại. Giữa thế gian bao la vạn tượng, giữa biển người đông đúc huyền ảo, gặp được nhau chắc hẳn là một duyên xưa gắn kết từ kiếp trước. Tôi đã gặp bạn từ kiếp trước, có lẽ đã từng hẹn hò gặp lại ngày sau nên kiếp này ta gặp nhau để hoàn thành ước nguyện ngày xưa. Nhà Phật có câu: Kiếp trước phải có năm trăm lần ngoái đầu nhìn lại mới đổi được một chút gặp thoáng qua trong kiếp này. Thế nên phải yêu quý lắm những người bạn đạo luôn bên mình, dù đất và động viên những lúc tâm ta chơi vui, mềm yếu!

Thử nhắm tính với lịch sử bốn ngàn năm của nhân loại, cơ hội may mắn bao nhiêu lần tái sinh đời người ngắn ngủi gặp lúc nhà Đạo Kỳ Ba mới ra đời gần một trăm năm sau cuối? Thử nhắm tính giữa gần tám tỷ người đang sống khắp sơn cùng thủy tận trên thế gian này, cơ hội may mắn bao nhiêu lần tái sinh tại mảnh đất Nam bang nhỏ bé để được gặp

đạo Thầy? Nhắm tính, cơ hội ấy, xác suất ấy vốn nhỏ nhoi như xác suất của người có duyên trúng số độc đắc nơi cõi thế gian! Thế nên thật đáng tiếc có duyên gặp Đạo mà không gắn kết, có duyên gặp Đạo mà dang dở không trọn vẹn một đoạn đường!

Tôi tin vào kiếp trước bản thân mình phải tạo nhiều phước đức, tạo nhiều thiện duyên, mới có cơ may gặp đạo Thầy kiếp này. Kiếp trước có lẽ tôi là ngọn đèn mờ tỏ trên bàn Phật quanh năm nghe kinh sám nơi ngôi chùa cỏ thanh vắng? Là một ngọn cỏ biết tu hành, gắng chịu gió sương sớm tối nơi ngõ vắng hẻm sâu? Là con hát khóc cười diễn kịch trong thân phận của bao người dưới ánh đèn sân khấu mà chột thấu hiểu huyền cơ của số mệnh, của lẽ vô thường? Là kẻ sĩ lỡ thời, biết lẽ đời bạc bẽo mà ẩn lánh giữ mình trong sạch nơi rừng sâu núi thẳm? Là lái buôn trót lỡ ham tiền tài nhưng vẫn biết làm thiện duyên cứu người, xây cầu, dựng chùa? Dẫu có làm bất cứ thân phận nào, tất cả kiếp trước đời trước của tôi đều đã cố gắng giữ gìn và tạo duyên phước để nguyện cầu kiếp này đời này cho tôi được

gặp Đạo Kỳ Ba. Lẽ nào tôi lại phụ lòng bao nhiêu phận người, phận cỏ cây của vô lượng kiếp đã khó nhọc vì tôi? Dầu chén canh Mạnh Bà xóa hết ký ức ba đời ba kiếp, nhưng tôi biết đó là một quá trình kiên trì dài đằng đằng của số phận, của tiểu linh quang nhỏ bé lặn lội ngày xưa, mà mỗi người phải trân trọng và không phung phí cơ duyên!

“Ai biết Đạo tức là có duyên phận, ai vô Đạo tức là số chịu hình khổ luân hồi”.

(Ngọc Hoàng Thượng Đế, Thánh Ngôn Hiệp tuyển, lần 11-11-1926)

Dầu biết Phật độ kẻ có duyên, Đạo dành cho người có phận, không phải ai tay lần tràng hạt, tai nghe tiếng mõ, miệng nhẩm câu kinh, là bén mùi thiền môn, là ngộ được cảnh sắc sắc không không. Mỗi con người, giữa hồng trần cuộn sóng này, đều là một chiếc thuyền dong buồm đi xa tắp, may duyên quay đầu gặp bờ, nhưng dùng dằng không muốn neo đậu, lưỡng lự không muốn gác chèo lên bờ giác tỉnh thì đánh mất cơ duyên, lỡ làm phần phước. Gặp được rồi nhưng không trân trọng giữ gìn nuôi dưỡng, lại lợt lạt xa cách, thì là một bất hạnh!

Tôi biết bản thân mình kiếp này có lẽ chẳng thể tu hành ngay một đời mà thẳng bước về quê xưa vị cũ. Vì trót còn lặn độn chút nợ phù hoa xưa cũ, còn vương vấn mối thâm tình vay trả, nên chắc hẳn phải còn lặn ngụp luân hồi nơi cõi bụi trần thêm vài kiếp số. Tuy vậy, dầu có bao phong trần gió mưa gột rửa, dầu có bao phen nổi chìm với thế sự, tôi vẫn nguyện mình phải nuôi dưỡng duyên đạo Kỳ Ba thêm sâu đậm, tạo duyên lành bằng mọi cách để mối dây với đạo Thầy không bị đứt lìa xa cách tại kiếp này. Chỉ mong thêm mỗi kiếp luân hồi sau này là tôi lại có cơ duyên tiếp nối gặp lại đạo Thầy, càng gần Thầy thêm một chút!

Hồng trần và cõi Thánh có lẽ chỉ cách nhau một ngưỡng cửa, bên ngoài sóng đục mây vẩn, bên trong là lòng thiền mây nước. Dầu chỉ là một cánh cửa mà muôn kiếp ta phải cố tạo duyên lành, lên xuống luân hồi đi tìm, cũng rất gần mà cũng rất xa. Tuy vậy, có người chỉ một lần quay đầu, một lần nhìn xuống mà lòng như gương sáng, tâm không chút bụi trần, ngộ được lẽ đạo; có người thì mãi bám víu trần ai mà loay

hoay tìm chốn thiên môn nơi cõi tục, quỳ hương cúng sám mà lòng cứ mãi xa títt mù khơi. Một khi lòng trần còn vương nhiều gió bụi phù hoa, còn tơ tưởng nhiều ái tình phiền não thì cửa bồ đề lại càng mịt mờ ảo ảnh. Âu cũng là duyên may, phúc phần còn chưa sâu đậm; dầu vậy, hãy cứ kiên trì trợ duyên cho lần tu hành của kiếp sau!

Duyên là giữa biển người đông đúc mà vẫn nhận ra nhau, là cùng nhau gặp gỡ diu dặt đi chung một

chặng đường, là người đã lãng du một cõi xa nào khác mà ta còn nhớ mãi!

Duyên là tái sinh làm con nhà đạo nghèo khổ thanh bần nhưng lòng vẫn hồi hướng về nẻo đạo Kỳ Ba, là vương mắc giữa lưới đời gai nhọn nhưng lòng vẫn nhớ đến lời Thầy, là lúc khôn khó đau buồn được sống với tình đồng đạo!

Đại duyên là gặp đạo Thầy, đề từ nay thanh quy giới luật, ngũ uẩn giai không, đời này kiếp này là kiếp cuối cùng! ☯



HỌC THUYẾT X, Y, VÀ Z

CÁC NHẬN THỨC VỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ BÀI HỌC CHUNG CHO NGƯỜI LÃNH ĐẠO

Trần Quốc Huân

Ngay đến Karl Marx là ông tổ của chủ nghĩa duy vật biện chứng cũng ưa thích trích dẫn câu cách ngôn Latin cổ: “Không có gì thuộc về con người mà xa lạ với tôi.” Hoạt động trong các lĩnh vực tôn giáo, từ thiện, xã hội thì việc tìm hiểu về mọi mặt đời sống nội tâm và các động lực thúc đẩy hành vi của con người luôn là một yêu cầu quan trọng.

Tiếp theo bài về Học thuyết Maslow đăng trên số báo trước, chúng ta hãy dành thời gian để tìm hiểu thêm bộ ba học thuyết được gọi một cách khô khan là X, Y, và Z.

I. HỌC THUYẾT X:

1. Tóm tắt thuyết X:

Vào năm 1960, Douglas Mc Gregor đã đưa ra học thuyết X.

Đây là kết quả của sự tổng hợp những lý thuyết về quản trị nguồn nhân lực được áp dụng trong nhiều xí nghiệp thời bấy giờ ở phương Tây. Học thuyết X của Douglas Mc Gregor đưa ra những giả thiết có thiên hướng hơi tiêu cực về con người như:

- Hầu hết mọi người đều lười biếng với công việc bởi đây là bản tính của họ, và họ sẽ cố gắng trốn tránh công việc bất cứ khi nào có thể.

- Người lao động không có tham vọng tiến thủ, không mong muốn trách nhiệm và cam chịu được chỉ đạo.

- Đa phần mọi người đều có ít ý kiến đề xuất trong việc giải quyết các vấn đề của tổ chức.

- Động lực con của người chỉ xảy ra ở các cấp độ sinh lý và nằm

ở mức an toàn trong hệ thống phân cấp nhu cầu của Maslow.

- Từ lúc sinh ra, con người đều tự cho mình là trung tâm, mà không hề quan tâm đến việc làm cách nào đạt được các mục tiêu của tổ chức.

- Bản tính của con người là luôn luôn chống lại sự đổi mới.

- Họ cả tin và không quá lạnh lợi, dễ dàng bị kẻ khác lừa dối.

2. Nhận định nội dung của Thuyết X:

Về cơ bản, Học thuyết X chỉ ra rằng nguồn động lực chính của nhân viên là tiền. Người lao động sẽ là người bị quy trách nhiệm và những nguyên nhân khách quan như thiếu đào tạo, chính sách, lỗi hệ thống... thường bị xử lý không đúng mức hoặc bị bỏ qua.

Nhà quản lý theo Thuyết X sẽ không tin tưởng bất kỳ ai. Thứ họ tin đó là hệ thống giám sát chặt chẽ, máy móc và sức mạnh của kỷ luật.

Học thuyết này không có một cái nhìn toàn diện về người lao động vì cho rằng con người khi bị kiểm soát mới làm việc có năng suất tốt, phải có thưởng nếu muốn người lao động làm việc. Còn cách quản lý nhẹ nhàng hơn

sẽ làm cho người lao động ngày càng có nhiều đòi hỏi hơn.

3. Thời Xuân Thu - Chiến quốc bên Trung Hoa, Tuân Tử và Hàn Phi Tử chủ trương “Nhân chi sơ tính bản ác” nên đề xuất một xã hội “pháp trị”, lấy hình phạt nghiêm khắc làm cho người ta sợ mà sống theo kỷ luật, trật tự. Mc Gregor là Hàn Phi Tử thời hiện đại.

II. HỌC THUYẾT Y:

1. Tóm tắt học thuyết Y: Sau khi đưa ra học thuyết X thì Douglas Mc Gregor lại đưa ra thêm một học thuyết Y ngay cùng năm đó. Đây có thể xem như là một học thuyết giúp ông “sửa sai” trong lý thuyết quản trị nguồn nhân lực. Những nhu cầu cao cấp hơn như lòng tự trọng và lý tưởng cũng là những nhu cầu cấp thiết của hầu hết mọi người. Con người sẽ không bao giờ được thỏa mãn hoàn toàn đối với loại nhu cầu này, vì vậy, những nhu cầu cao cấp hơn này cũng là động lực thúc đẩy nhân viên một cách tốt nhất.

2. Vị trí của người lao động được khẳng định hơn trong học thuyết Y:

Trái ngược hoàn toàn với học thuyết X, học thuyết Y đưa ra các

giả thuyết tích cực hơn về bản chất của người lao động như sau:

- Bản tính của người lao động nói chung không phải sự lười nhác.

- Dù cho lao động bằng trí óc hay chân tay, người lao động cần được nghỉ ngơi, giải trí, và đây là nhu cầu tất yếu của con người.

- Khuyến khích mọi người nên tự định hướng và sáng tạo các mục tiêu công việc, giúp cho nhân viên tự đánh giá thành tích của chính mình.

- Nhân viên sẽ là người có trách nhiệm thực hiện các mục tiêu về chất lượng và năng suất của họ, nếu có phần thưởng đáp ứng các nhu cầu.

- Tài năng của con người luôn tiềm ẩn, nên vấn đề cần làm là khơi dậy tiềm năng đó.

- Nên áp dụng những phương thức thưởng hấp dẫn để cho người lao động thấy rằng họ cần phải cố gắng.

- Nhà quản trị và nhân viên phải có ảnh hưởng lẫn nhau, tất cả mọi người đều phải chịu trách nhiệm khi hoạt động của tổ chức không suông sẻ.

Như vậy, theo những nhận định này, cá nhân sẽ tự điều chỉnh

mục tiêu của họ sao cho phù hợp với mục tiêu của tổ chức, nếu như có những phần thưởng làm động lực. McGregor nhấn mạnh rằng học thuyết Y mong muốn các nhà quản lý làm việc theo hướng này.

1. Nhận định về học thuyết Y:

Con người thích thực hiện nhiệm vụ một cách tự giác, mỗi người đều có khát vọng, có khả năng tự khích lệ bản thân làm việc. Ngoài ra, họ còn có khả năng tự chủ, tự trị và đứng ra nhận những bổn phận lớn hơn.

Nếu tạo cho người lao động một cơ hội thì họ sẽ sáng tạo hết sức và có tiến bộ trong công việc hơn. Năng suất lao động sẽ tăng đáng kể nếu người lao động không bị ràng buộc bởi các luật lệ quá chặt chẽ, ràng buộc bởi các hướng dẫn.

McGregor nhận ra rằng một số người lao động không thể tự quản lý chính mình như học thuyết Y và họ cần phải có các biện pháp kiểm soát chặt chẽ hơn mới có thể phát triển được.

2. Ứng dụng những nội dung của học thuyết Y:

Với những công ty có trình độ người lao động cao, chuyên làm những việc thiên về sáng tạo như

Google, Microsoft, Apple... thì học thuyết Y là một học thuyết lý tưởng để áp dụng vì tạo ra một môi trường làm việc thích hợp cho sự lao động sáng tạo.

- Phân cấp và ủy quyền: Nếu các công ty phân quyền kiểm soát và giảm số lượng cấp quản lý, các nhà quản lý sẽ có nhiều cấp dưới hơn, vì thế cần phải giao cho họ một số trách nhiệm.

- Mở rộng công việc: Mở rộng phạm vi công việc của nhân viên sẽ tạo thêm sự đa dạng và cơ hội để thỏa mãn nhu cầu bản ngã.

- Quản lý có sự tham gia của nhân viên: Định hướng cho nhân viên trong quá trình ra quyết định khai thác năng lực sáng tạo của họ và cung cấp cho họ một số quyền kiểm soát đối với môi trường làm việc của họ.

- Đánh giá hiệu suất: Việc để nhân viên đặt ra các mục tiêu và tham gia vào quá trình tự đánh giá làm tăng sự gắn bó và cống hiến.

Nếu được thực hiện đúng cách, môi trường như vậy có thể gia tăng và thúc đẩy động lực khi nhân viên làm việc nhằm thỏa mãn các nhu cầu cá nhân cao cấp hơn thông qua công việc của họ.

1. Cũng thời Xuân Thu - Chiến quốc, Mạnh tử chủ trương “Nhân chi sơ tính bản thiện” và đề xuất xã hội “nhân trị”, trong đó mọi người lấy nhân nghĩa mà sống với nhau. Học thuyết Y cũng là một dạng “nhân trị”, “vương đạo” mà tổ chức phát huy tối đa các phẩm chất của thành viên.



Douglas Mc Gregor sinh năm 1906 ở Detroit, một thành phố thuộc bang miền bắc Michigan. Thành phố công nghiệp là điểm đến của nhiều người nhập cư, chủ yếu là người châu Âu da trắng: Ailen, Scotland và Ý. Douglas McGregor sinh ra trong một gia đình gốc Scotland, theo Tin Lành.

Ông nội của ông đã tạo ra Viện McGregor là một trung tâm xã hội nhằm giúp đỡ cho giới công nhân. Ở tuổi thiếu niên, Douglas làm tiếp tân ban đêm ở Viện, và chơi piano cho cư dân. Khi đó,

Douglas đang học ngành kỹ thuật công nghiệp tại Đại học Wayne State. Sau đó, anh làm việc trong một trạm xăng và nhanh chóng leo lên các vị trí: trở thành người chịu trách nhiệm quản lý tất cả các trạm dịch vụ trong khu vực. Trong giai đoạn giữa Thế chiến thứ nhất và Thế chiến thứ hai, Hoa Kỳ đã phải chịu một cuộc suy thoái kinh tế lớn. McGregor trở về viện gia đình nơi anh tổ chức bữa ăn cho người thất nghiệp, hơn 50 nghìn người trong thành phố. Khi khủng hoảng đã qua, McGregor đến Đại học Harvard ở bang Massachusetts. Ở đó, ông đã có bằng thạc sĩ và tiến sĩ tâm lý học, và là giảng viên đại học.

Năm 1937, McGregor là Chủ tịch về Quan hệ công nghiệp tại Viện Công nghệ Massachusetts, MIT. Ngoài ra, ông làm cố vấn cho các mối quan hệ công nghiệp của Công ty hóa chất Dewey và Almy. Trong công việc đó, ông phụ trách vấn đề tiền lương và tiền công. Ông cũng thương lượng các hợp đồng, chịu trách nhiệm đào tạo nghề và đào tạo các nhân viên. Douglas McGregor chuyên về các quy trình đào tạo của người lao động cũng như trong các vấn đề của cơ cấu lao động,

tạo được một uy tín đến mức cả chủ lao động và công đoàn đều yêu cầu ông hòa giải trong các tranh chấp lao động.

Tuổi 41, ông là chủ tịch của Antioch College, Ohio. Antioch là tổ chức giáo dục đầu tiên nhận người Mỹ gốc Phi đào tạo thành giáo viên. Sau sáu năm làm việc tại Antioch College, McGregor trở lại MIT. Ông đảm nhận vị trí là thành viên của khoa tại Trường Quản lý Sloan.

Ông đã viết một vài cuốn sách và xuất bản một chuyên luận về Lý thuyết X và Lý thuyết Y. Ông qua đời vì một cơn đau tim ở tuổi 58, vào năm 1964. Tuy nhiên, tầm nhìn của ông vẫn duy trì sự hiện diện của ông trong thế giới học thuật và lao động.

III. HỌC THUYẾT Z:

Trong những năm 1980, các doanh nghiệp và người tiêu dùng Mỹ đã trải qua một cơn sốt nhu cầu đối với các sản phẩm và hàng nhập khẩu của Nhật Bản. Đặc biệt là trong ngành công nghiệp ô tô.

Tại sao người tiêu dùng Hoa Kỳ sẵn đón ô tô, tivi, dàn âm thanh nổi và đồ điện tử từ Nhật Bản? Vì sản phẩm chất lượng cao và giá thành rẻ.

Người Nhật đã phát hiện ra điều mang lại lợi thế cạnh tranh cho họ. Bí quyết thành công của họ không phải là những gì họ đang sản xuất mà là cách họ quản lý người lao động của mình - các nhân viên Nhật Bản đã gắn bó, trao quyền và làm việc năng suất cao.

Giáo sư William Ouchi lập luận rằng các tổ chức phương Tây có thể học hỏi từ các đối tác Nhật Bản của họ. Mặc dù sinh ra và được giáo dục ở Mỹ, Ouchi là người gốc Nhật Bản và đã dành nhiều thời gian ở Nhật Bản để nghiên cứu cách tiếp cận của quốc gia này để học hỏi với tinh thần đồng đội tại nơi làm việc và cách quản lý.

Kết quả là ông đã cho ra học thuyết Z - một sự phát triển ngoài học thuyết X và học thuyết Y, kết hợp những gì tốt nhất của thực tiễn quản lý phương Đông và phương Tây.

Học thuyết của Ouchi lần đầu tiên xuất hiện trong cuốn sách năm 1981 của ông, học thuyết Z chỉ ra rằng: Cách quản lý kiểu Mỹ có thể đáp ứng thách thức của Nhật Bản. Ouchi khẳng định, lợi ích của Thuyết Z sẽ là giảm sự thay đổi của nhân viên, tăng cường cam kết, cải thiện tinh thần

và sự hài lòng trong công việc, đồng thời tăng năng suất lao động lên cao hơn.

1. Tóm tắt học thuyết Z:

- Nếu được tin tưởng, đối xử tốt thì người lao động sẽ luôn có nỗ lực tốt hơn về công việc của mình.

- Niềm vui và sự thỏa mãn của người lao động sẽ góp phần tăng năng suất lao động.

- Con người sẽ luôn có khả năng thích nghi, có tinh thần tập thể và khả năng làm việc nhóm của họ rất tốt.

2. Cách thức quản lý của học thuyết Z:

- Triết lý và văn hóa công ty: Triết lý và văn hóa công ty cần được tất cả nhân viên hiểu và thực hiện, đồng thời nhân viên cần tin tưởng vào những việc họ đang làm.

- Phát triển nhân viên và sử dụng nhân viên lâu dài: Đội ngũ tổ chức và quản lý cần có các biện pháp và chương trình để phát triển nhân viên. Việc này thường lâu dài và mang đến sự thăng tiến ổn định, chắc chắn; đồng thời dẫn đến sự trung thành từ các thành viên trong tổ chức. Xã hội Nhật Bản nổi tiếng với chính sách “tuyển dụng suốt đời”.

- Đồng thuận với các quyết định: Nhân viên được khuyến khích và mong đợi tham gia vào các quyết định của tổ chức.

- Nhân viên được khuyến khích có cái nhìn bao quát: Bởi vì nhân viên có trách nhiệm lớn hơn trong việc đưa ra quyết định và hiểu tất cả các khía cạnh của tổ chức, họ phải là những người có cái nhìn bao quát. Tuy nhiên, nhân viên vẫn phải có trách nhiệm trong một lĩnh vực chuyên biệt.

- Quan tâm đến hạnh phúc của người lao động: Tổ chức thể hiện sự quan tâm chân thành đến sức khỏe, hạnh phúc của người lao động và gia đình của họ.

- Kiểm soát như không kiểm soát: Nhân viên được trao quyền để thực hiện các nhiệm vụ theo cách mà họ thấy phù hợp. Tuy nhiên, cần có các biện pháp chính thức để đánh giá chất lượng và hiệu quả công việc.

- Trách nhiệm cá nhân: Tổ chức ghi nhận những đóng góp của cá nhân nhưng luôn luôn đặt trong quyền lợi của cả tổ chức.

3. Nhận xét về học thuyết Z

Học thuyết Z thành công vì đã biết quan tâm đến người lao động

về mọi mặt, coi trách nhiệm, sự trung thành là động lực to lớn giúp người lao động làm việc. Nếu tổ chức đối xử tốt với họ thì ngược lại họ cũng sẽ đối xử tốt với tổ chức.

Tuy nhiên, học thuyết Z vẫn có những điểm hạn chế của riêng nó. Người lao động phần lớn sẽ trung thành, tin tưởng và phát huy năng lực vì tổ chức, nhưng cũng sẽ có một số người ỷ lại, trông chờ và không tích cực cống hiến.

Văn hóa, tư duy và tâm thế làm chủ:

Hiện nay, các khoa quản trị của những trường đại học lớn trên thế giới cùng với các công ty toàn cầu đều đề cao văn hóa, tư duy và tâm thế làm chủ nơi người lao động. Các doanh nghiệp được xây dựng và phát triển theo hướng xóa nhòa ranh giới giữa người làm chủ và người làm thuê, và mọi người đều cảm thấy một cách chân thành, xí nghiệp là nhà. Bất kỳ tổ chức nào mà gây dựng được “văn hóa gia đình” ấy thì hiệu quả hoạt động cực cao, ở đó những khái niệm “lao động tự do và sáng tạo”, “kỷ luật tự giác”, “cống hiến, hy sinh” đều là thực tiễn sống động.



William G. “Bill” Ouchi (sinh năm 1943) là một giáo sư người Mỹ và tác giả trong lĩnh vực quản trị doanh nghiệp. Ông là Giáo sư danh dự của các Tổ chức Quản lý và Tổ chức, Sanford và Chủ tịch Betty Sigoloff trong việc Đổi mới Công ty tại Trường Quản lý UCLA Anderson.

Ông sinh ra và lớn lên ở Honolulu, Hawaii. Ông lấy bằng cử nhân từ trường Williams College năm 1965, và bằng Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh của Đại học Stanford và bằng Tiến sĩ trong Quản trị Kinh doanh của Đại học Chicago. Ông đã từng là giáo sư trường Kinh doanh Stanford

trong 8 năm và từng là giảng viên của Trường Quản lý Anderson tại Đại học California, Los Angeles trong nhiều năm.

Ông hiện vẫn còn sống.

IV. NHẬN THỨC VỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG DOANH NGHIỆP - BÀI HỌC CHUNG CHO NGƯỜI LÃNH ĐẠO:

Từ X đến Z là một quá trình phát triển tích cực

Ba học thuyết X, Y, Z không phủ nhận nhau, học thuyết ra đời sau bổ khuyết cho học thuyết trước.

Dù học thuyết X nhìn nhận người lao động theo một hướng tiêu cực nhưng nó lại đưa ra một phương pháp quản lý khá chặt chẽ.

Còn học thuyết Y nhìn nhận con người theo một hướng khá lạc quan, nhưng nó vẫn đưa ra một cách quản lý động, phù hợp để ứng dụng trong một số lĩnh vực đòi hỏi sự sáng tạo cao của nhân viên.

Về thuyết Z, mặc dù có nhược điểm là có thể tạo ra sức ỳ ạch trong nhân viên nhưng nó phát huy được sức lao động tự giác của nhân viên. Đây là thuyết quản trị nhân lực kinh điển được nhiều doanh nghiệp áp dụng.

Từ học thuyết X đến học thuyết Z là quá trình điều chỉnh về nhận thức trong lĩnh vực quản trị nguồn nhân lực, cũng là sự nâng cao nhận thức về con người, nhất là con người trong một tổ chức.

Con người luôn là trung tâm của sự vận hành, tiến lên và phát triển của một tổ chức. Người lãnh đạo luôn cần chú trọng:

Điều chỉnh hành vi của con người trong tương quan với nhau và với tổ chức.

- Đưa ra được những phương thức điều chỉnh phù hợp dựa trên sự phân tích và thấu hiểu bản chất của con người.

- Tạo ra được sự công bằng trong việc đánh giá, xử phạt, khen thưởng, kỷ luật.

- Cân bằng giữa việc đề cao “Đức”, “Tâm” với việc lấy hiệu quả của công việc làm mục tiêu.



GIA ĐÌNH THEO GIÁO LÝ VÀ ĐỜI SỐNG NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI

Huệ Khải

Đề tài do Lm. Xavie Bảo Lộc gợi ý và mời Đạo huynh Huệ Khải nói chuyện với chủng sinh Thần học năm IV tại Đại Chủng Viện Thánh Giuse, Tổng Giáo Phận Tp.HCM vào sáng 28.9.2022.

Nhân dịp này, Huệ Khải đã biểu mỗi vị chủng sinh một số sách do Chương trình chung tay ấn tống thực hiện (song ngữ Việt-Anh), gồm có:

- 1. Gia đình đạo đức theo giáo lý Cao Đài.*
- 2. Sơ khảo thuật ngữ đạo Chúa trong đạo Cao Đài.*
- 3. Gia đình trong Tân Luật Cao Đài.*
- 4. Tam giáo Việt Nam - Tiền đề tư tưởng mở đạo Cao Đài.*
- 5. Đất Nam Kỳ - Tiền đề văn hóa mở đạo Cao Đài.*

Là một đơn vị cấu thành xã hội, gia đình có nhiều ảnh hưởng tác động đến xã hội. Những công dân tốt lành đều là những người đã được giáo dục tốt đẹp từ trong gia đình. Đạo làm người (tức đạo người) do đâu mà có? Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn dạy: “Đạo người xuất phát từ trong gia đình”.⁽¹⁾

Bằng luật đạo (*Tân Luật*, ra đời năm 1927) và giáo lý (thánh ngôn, thánh giáo), đạo Cao Đài có những quy định và hướng dẫn giúp tín đồ xây dựng gia đình đạo đức và bảo vệ gia đình hạnh phúc.

⁽¹⁾ Vĩnh Nguyên Tự, 03-12 Giáp Thìn (05-01-1965).

I. GIA ĐÌNH THEO TÂN LUẬT CAO ĐÀI

(Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2014).

Trong sách này, Huệ Khải đã khảo sát khá chi tiết về chủ đề gia đình. Ở đây nhắc lại bốn trọng điểm:

1. Để bảo vệ gia đình hạnh phúc, *Tân Luật* đã xóa bỏ chế độ đa thê (*polygamy*), và xóa bỏ rất sớm so với luật pháp xã hội Việt Nam. Thật vậy:

- Thời Pháp thuộc, luật pháp ở Bắc, Trung, và Nam Kỳ đều chấp nhận chế độ đa thê.

- Mãi tới ngày 02-01-1959 mới có *Luật Gia Đình* ở miền Nam. Điều Thứ Nhất quy định: “*Chế độ đa thê từ nay bị bãi bỏ hẳn*”.

- Mãi tới ngày 29-12-1959 mới có *Luật Hôn Nhân Và Gia Đình* ở miền Bắc. Điều Ba quy định: “*Cấm lấy vợ lẽ*”.

2. Để bảo vệ gia đình, *Tân Luật* (phần *Thế Luật*) hạn chế ly hôn. Điều Thứ Mười quy định: “*Trừ ra có ngoại tình hay là thất hiếu với công cô [公姑: cha mẹ chồng], vợ chồng người đạo không được để bỏ nhau.*” [để bỏ: Từ Việt cổ, nghĩa là ly dị, bỏ vợ đi].

3. Để phòng trường hợp con cái nhỏ dại bị mồ côi, *Tân Luật* (phần *Thế Luật*) buộc phải có người đỡ đầu con trẻ. Điều Thứ Mười Một quy định: “*Con nít mới sanh phải chọn cha và mẹ đỡ đầu cho nó, phòng sau bảo hộ nó lúc rủi ro phải thân côi*”.

4. *Tân Luật* quy định phải dạy chữ và giáo lý cho con trẻ.

Điều Thứ Hai Mười Ba (Chương VI, phần *Đạo Pháp*) quy định: “*Trong Đạo sẽ lập trường dạy chữ và dạy đạo [giáo lý]*”.

Điều Thứ Mười Ba (phần *Thế Luật*) quy định: “*Buộc cha mẹ con nít từ sáu tuổi chí đến mười hai tuổi phải cho con vào trường học chữ hay là học đạo [giáo lý]*”.

II. GIA ĐÌNH ĐẠO ĐỨC THEO GIÁO LÝ CAO ĐÀI

(Hà Nội: Nxb Hồng Đức, 2021).

Trong sách này, Huệ Khải đã khảo sát khá chi tiết về chủ đề gia đình đạo đức. Ở đây nhắc lại năm trọng điểm:

1. Hôn nhân là một sứ mạng, một ái tình thiêng liêng bất diệt. Đức Thánh Trần Hưng Đạo dạy:

“*Vợ chồng là hiệp nhau mà làm xong cái sứ mạng xây đắp gia đình, đức nắn một lớp người tương lai. Dòng giống đó được truyền thụ một*

tinh thần minh lãng [明朗: trong sáng và hân hoan], một dòng máu ấm áp nhiệt thành, một khuôn phép truyền thống nghìn đời cho con. Vợ chồng nào phải gặp nhau để thỏa mãn tình dục, mà [là] cả một ái tình thiêng liêng bất diệt”. ⁽²⁾

2. Thai giáo (胎教: pre-natal education). Giáo dục con cái nên bắt đầu từ khi người mẹ biết mình mang thai. Đức Thánh Trần Hưng Đạo dạy:

“(M)uốn có một nòi giống tốt đẹp tương lai, có những gia đình kiểu mẫu của xã hội là phải bắt đầu xây dựng, xây dựng đứa con còn trong bụng mẹ. Người mẹ lúc nào cũng tươi tỉnh sáng suốt, đi đứng ngồi nằm được phân minh, đính chính [訂正: công chính, đàng hoàng]. Không nghe điều dữ, không nói chuyện nhảm, không nghĩ điều quấy, không thấy tuồng khiêu khích vô nghì [vô nghĩa 無義: không có đạo đức]. Lòng mỗi lúc đều nghĩ đến đứa con sau này, đứa con của Quyền Năng. Phải hết lòng tu dưỡng trong hồi thai nghén”. ⁽³⁾

3. Là người có đạo, cha mẹ hãy chăm lo giáo dục con cái để tránh cảnh cây ngọt sanh trái đắng. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn dạy các bậc cha mẹ:

“(Đ)ã có vốn liếng về tâm đạo, hãy tiếp tục tiến lên dìu dẫn em cháu, con cái noi theo đường lối. Không lẽ để nhìn cảnh ăn trái ngon rồi quăng mất hạt”. ⁽⁴⁾

4. Thân giáo (身教: teaching children by parents' example). Bản thân cha mẹ hãy là tấm gương gần gũi, sống động, thường xuyên trước mắt con cái. Đức Thánh Trần Hưng Đạo dạy:

“Cha mẹ là mẫu mực của con cháu. Anh chị là phép tắc của đàn em. Chồng đính chính, vợ thuận hòa. Dưới biết kính trên, trên để lòng lo cho kẻ dưới. Sống một cuộc đời tươi đẹp, không một chút sóng gió gợn lên. Gia đình được hòa thuận, ấm no. Trong nhà, ngoài vườn sạch sẽ, ngăn nắp. Nghèo cũng thanh cao, giàu không bẩn thỉu”. ⁽⁵⁾

5. Người đạo Cao Đài giáo dục con cái theo ba định hướng:

- Dạy con cái ăn hiền ở lành, lương thiện để rồi ảnh hưởng tốt tới những người chung quanh. Đức Vạn Hạnh Thiền Sư dạy:

⁽²⁾ Trung Hưng Bửu Tòa, 13-12 Kỷ Hợi (11-01-1960).

⁽³⁾ Trung Hưng Bửu Tòa, 13-12 Kỷ Hợi (11-01-1960).

⁽⁴⁾ Vĩnh Nguyên Tự, 03-12 Ất Tỵ (25-12-1965).

⁽⁵⁾ Trung Hưng Bửu Tòa, 13-12 Kỷ Hợi (11-01-1960).



Huệ Khải trong buổi nói chuyện với quý chủng sinh Thần học tại Đại Chủng Viện Thánh Giuse.

“Mỗi đơn vị gia đình cha mẹ có đạo hãy tạo cho con cái mình một nề nếp đạo đức. Chúng nó sẽ có được một nếp sống thanh cao, khả ái. Mặt tinh thần ấy sẽ gây ảnh hưởng cho những gia đình kế cận. Nếu có nhiều và thật nhiều gia đình được như thế, thì ảnh hưởng càng lan rộng khắp chốn mọi nơi”.⁽⁶⁾

- Hướng dẫn con cái tu học và tập hành đạo theo gương cha mẹ. Đức Đông Phương Chương Quân dạy:

“Muốn làm tròn sứ mạng của một người cha, phải tạo điều kiện dắt dìu cho chúng nó hiểu được đạo như mình đã hiểu.

(...)

“Một khi chúng nó biết đạo, tu thân hành đạo, sẽ hỗ tương cha mẹ phấn chấn tinh thần làm thay đổi cuộc diện, nếp sống trong gia đình càng thêm đầm ấm, vui vẻ”.⁽⁷⁾

- Xây dựng con cái trở thành lớp người nối tiếp sự nghiệp đạo lý. Đức Vạn Hạnh Thiền Sư dạy:

“Mình đã chọn một con đường đạo lý để đặt đời mình vào đấy thì phải nhớ mà đào tạo đến lớp người khác để có người tiếp nối sự nghiệp đạo lý ấy, vì đạo pháp là trường lưu mà đời người hữu hạn. Nếu muốn có lớp người kế tiếp sự nghiệp đạo lý, không ai dễ đào tạo hơn con cái trong gia đình là những mầm non, những hạt giống tốt đã thọ lãnh những tư tưởng, những phúc huệ của phụ mẫu ngay từ trong bào thai”.⁽⁸⁾

III. TRÁCH NHIỆM CỦA CHA MẸ ĐỐI VỚI CON CÁI

1. Cần chăm lo cho tương lai của con cái nhà đạo.

Đức Cao Triều Phát dạy:

⁽⁶⁾ Minh Lý Thánh Hội, 21-8 Tân Hợi (09-10-1971).

⁽⁷⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, 14-5 Nhâm Tý (24-6-1972).

⁽⁸⁾ Minh Lý Thánh Hội, 06-10 Kỷ Dậu (Thứ Bảy 15-11-1969).

“Trong một đời người, tuổi thanh niên là mùa xuân, là phát huy, là sáng tạo. Do đó, thanh niên cần phải được vun quén, tổ chức, giáo dục, chăm sóc và thúc phát mọi mặt. Người đi trước phải dọn đường sửa lối cho kẻ theo sau, làm thế nào khai thác những mầm sinh, những khả năng từ thuở thanh thiếu niên. Vì thanh thiếu niên là những gì đang chờ đợi kết quả ở tương lai”.⁽⁹⁾

Các bậc cha mẹ cũng như các chức sắc, chức việc trong họ đạo cần chăm lo dạy dỗ con cái và lớp trẻ nối tiếp con đường đạo đức của ông cha. Đức Thiện Hạnh Đồng Tử dạy:

“Nhờ có tiền duyên chẳng chịt liên hệ nên hiện kiếp [các thanh thiếu niên và ấu niên] đã được sinh trưởng trong gia đình [có] cha mẹ hoặc anh chị biết đạo lý tu hành, hoặc sớm gặp hoàn cảnh thuận tiện để có cơ hội dễ bề khai triển thánh tâm, phát huy thánh đức, thực hành Thánh Đạo, rồi lần hồi đến Tiên Đạo và Phật Đạo.

“Nói như vậy để nhắc chừng chư liệt vị lưu ý đến hầu nâng đỡ dìu dắt đàn hậu tấn để khỏi trễ tràng hoặc phí uổng một kiếp làm người của thế hệ ấy”.⁽¹⁰⁾

2. Cha mẹ có trách nhiệm với các chơn linh đã sinh vào nhà mình.

Một đứa con sinh trong gia đình người đạo Cao Đài không phải là tình cờ. Một chơn linh (*true spirit*) “đầu thai” vào cõi trần, và “gởi thân” vào nhà người đạo Cao Đài. Nếu được nuôi dạy tốt, đúng đạo lý thì sau này chơn linh ấy có thể góp phần hành đạo, hoằng giáo Cao Đài.

Xét về máu thịt, họ là con cái, nhưng xét về mặt tâm linh và sứ mạng mà chơn linh ấy đã thọ lãnh từ Thiên Đình trước khi xuống thế gian, làm sao cha mẹ biết được chơn linh ấy nhỏ hay lớn. Thí dụ:

Ngài Phan Văn Thanh là Đầu Họ Đạo trước tiên của thánh tịnh Ngọc Minh Đài. Ngài đắc quả là Hiển Thế Đạo Nhơn. Cháu dượng Ngài là Nguyễn Quan Sanh (tên thánh là Chí Thành). Trong một lần giảng đàn ở thánh tịnh Ngọc Minh Đài, Đức Hiển Thế Đạo Nhơn gọi: *“Chí Thành Nguyễn Quan Sanh! Tuy phần nhục thể là dượng và cháu, phần chơn linh chưa biết ai lớn nhỏ hơn ai”.*⁽¹¹⁾

⁽⁹⁾ Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 29-12 Bính Ngọ (08-02-1967).

⁽¹⁰⁾ Minh Lý Thánh Hội, 08-5 Quý Sửu (08-6-1973).

⁽¹¹⁾ Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 15-10 Đinh Mùi (16-11-1967).

Ngoài chức vụ là Đầu Họ Đạo thánh tịnh Ngọc Minh Đài, đạo trưởng Chí Thành còn là Hiệp Lý Minh Đạo của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam. Sau khi quy thiên, đạo trưởng đắc quả là Thuận Hạnh Huệ Tiên (1995). Lời Đức Hiền Thế Đạo Nhơn đã được minh chứng.

3. Cha mẹ cần sớm hướng dẫn con cái nhập môn.

Lớp trẻ sớm nhập môn là điều rất quan trọng. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo (Lý Thái Bạch) dạy Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam phải giúp cho gia đình các nhân viên đưa con cái đi nhập môn tập thể:

*Cần lo việc nhập môn tổng hợp,
Cho con em các lớp nhân viên,
Cha tu, con phải được hiền...* ⁽¹²⁾

Cha mẹ lo cho con cái sớm nhập môn là đeo cho chúng cái phao cứu sinh (*lifebuoy*), vì cha mẹ làm sao biết được con cái mình sẽ gặp dông bão, họa tai vào lúc nào.

4. Cha mẹ cần ý thức rằng cả nhà biết tu hành, sống đạo đức tức là cùng nhau xây đắp gia đình hạnh phúc bền vững.

Đức Diêu Trì Kim Mẫu dạy:

“Nếu biết thương yêu thì chẳng có chi hơn là dạy dỗ trẻ thơ đáng khôn ngoan đạo đức”. ⁽¹³⁾

Đức Đại Tiên Lê Văn Duyệt dạy:

“Theo thông thường, gia đình có đạo, con cái được cha mẹ huấn luyện vào hàng đạo đức, đó là một hạnh phúc”. ⁽¹⁴⁾

Đức Đại Tiên Lê Văn Duyệt dạy:

“Người cha đạo đức sẽ gieo lên hạt giống đạo đức. Truyền thống đạo đức là một điều kiện bảo đảm tương lai vững chắc. Cũng có lắm gia đình cha hành đạo, con lại sa đọa, theo thói hư tật xấu ngoài đời. Đó không phải tựa vào thuyết nhân quả để bào chữa cho hiện tại, mà do sự bất lực của người cha thiếu giáo huấn, từ gia đình đến xã hội quốc gia cũng không ngoài cái lý ăn trái bỏ hột mà thôi”. ⁽¹⁵⁾

⁽¹²⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, 14-02 Giáp Dần (07-3-1974).

⁽¹³⁾ Báo Ân Từ (Tây Ninh), 02-02 Đinh Hợi (22-02-1947).

⁽¹⁴⁾ Minh Lý Thánh Hội, 26-02 Ất Mão (07-4-1975).

⁽¹⁵⁾ Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 10-5 Canh Tuất (13-6-1970).

5. Cha mẹ thường khó hướng dẫn con cái tu học; vì vậy cần nương nhờ họ đạo.

Do thiếu thời gian, do khả năng diễn đạt hạn chế, do trình độ giáo lý chưa đủ, và cũng có thể do thiếu nhẫn nại, cha mẹ thường không thể tự mình hướng dẫn con cái tu học. Đức Vạn Hạnh Thiền Sư dạy:

“Xưa nay ít có cha mẹ nào bỏ công dạy dỗ con cái của mình cho đến nơi đến chốn”. ⁽¹⁶⁾

Vì vậy, cha mẹ cần nhờ cậy họ đạo. Ngược lại, họ đạo phải ý thức đây là trách nhiệm trợ giúp tín hữu trong họ đạo. Họ đạo cần chuẩn bị đủ điều kiện để giáo dục các mầm non của đạo. Đức Lý Giáo Tông dạy:

“Chư hiền đệ muội luôn luôn ghi nhớ nguyên tắc tre tàn măng mọc và phải có phương pháp nuôi dưỡng lớp măng ấy theo đường lối tổ chức có chuẩn thẳng quy củ, theo đường lối chánh đạo trong quyền pháp đạo luật”. ⁽¹⁷⁾

Đức Lý Giáo Tông dạy:

“Bần Đạo muốn thấy mỗi một thánh thất, thánh tịnh ý thức thể hiện được một hình thể tạm gọi là trường giáo dân. Trước nhất là giáo dục con em trong gia đình đạo hữu để làm đà tiến cho các lãnh vực rộng rãi khác trong khuôn viên đạo đức”. ⁽¹⁸⁾

6. Cha mẹ hãy có ý thức hướng nghiệp cho con cái.

Làm ăn lương thiện thì nghề nào cũng quý. Trong gia đình người đạo Cao Đài, cha mẹ chẳng những không hành nghề trái luật đạo mà còn có ý thức hướng dẫn con cái biết chọn nghề không trái đạo. Chẳng hạn, đừng làm bác sĩ phá thai, đừng kinh doanh lò mổ gia súc, gia cầm, đừng mở quán nhậu, v.v...

Ra đời năm 1927, *Tân Luật Cao Đài* (phần *Thế Luật*, Điều Thứ Hai Mươi) quy định:

“Kể từ ngày ban hành luật này, người bốn đạo chẳng nên chuyên nghề gì làm cho sát sanh, hại vật; chẳng được làm nghề gì mà tôi phong bại tục; chẳng được soạn hay là ẩn hành những truyện phong tình, huê nguyệt, khôngặng buôn bán các thứ rượu mạnh và á phiện là vật độc làm cho giảm chất con người”.

⁽¹⁶⁾ Minh Lý Thánh Hội, 06-10 Kỷ Dậu (15-11-1969).

⁽¹⁷⁾ Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 15-01 Kỷ Dậu (02-3-1969).

⁽¹⁸⁾ Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, (23-12 Kỷ Dậu) 30-01-1970.

Cha mẹ nên giúp con cái hiểu rằng có nghề dễ dàng làm giàu, nhưng hãy cảnh giác là chính nghề ấy rất dễ dẫn dắt con cái mình xa rời chánh đạo, không còn phẩm chất con nhà đạo.

Cha mẹ nên giúp con cái hiểu rằng có nghề khiến chúng vẻ vang trên trường đời danh lợi, nhưng lại cuốn hút chúng vào vòng xoáy đấu tranh giành giật. Bản thân chúng không có thời gian tu học thì còn mong gì góp phần chút ít phụng sự cho đạo.

Cha mẹ nên giúp cho con cái biết chọn nghề gì để sống được đàng hoàng, có nhân cách và còn có thời gian, tim óc, sức khỏe để tu học và hành đạo. Cần giúp con cái hiểu rằng hãy chọn nghề gì để đừng hối tiếc khi cuối đời tuy sống trên đồng vàng mà tâm hồn thì buồn đau.

7. Cha mẹ có trách nhiệm hướng dẫn con cái chọn bạn đời.

Tân Luật Cao Đài (phần *Thế Luật*, Điều Thứ Sáu) quy định:

“Phải chọn hôn⁽¹⁹⁾ trong người đồng đạo; trừ ra khi nào người ngoài ưng thuận nhập môn thì mới được kết làm giai ngẫu”. [giai ngẫu 佳耦: vợ chồng xứng đôi]

Cha mẹ nên giải thích cho con cái hiểu rằng điều này không hề mâu thuẫn với tinh thần hòa đồng tôn giáo của đạo Cao Đài. Đồng thời cha mẹ nên giảng cho con cái hiểu về luật nhân quả.

Cá nhân mỗi người sống trên thế gian đều phải trả nghiệp riêng (biệt nghiệp: *individual karma*), ngoài ra còn phải chịu nghiệp chung (cộng nghiệp: *collective karma*). Kết hôn với ai, thì đương nhiên con mình phải gánh vác thêm phần nghiệp riêng của người bạn đời (chồng hay vợ) và gánh thêm phần nào nghiệp riêng của gia đình bên chồng hay bên vợ mình.

Có khi cha mẹ là chức sắc hay chức việc nhưng con cái kết hôn không theo *Tân Luật* quy định; thế rồi, có thể là con cái bỏ đạo Cao Đài mà đi theo đạo của chồng hay vợ. Đức Giáo Tông Đại Đạo Thái Bạch Kim Tinh dạy:

“Phần nhiều gia đình Thiên phong chức sắc, chức việc, đến hàng đạo hữu, cha mẹ có đạo Cao Đài, con cái lại đi đạo khác, rồi trở về chống đối lại đường lối hành đạo của mẹ cha. Vẫn biết đạo nào cũng

⁽¹⁹⁾ Hôn 婚: Cưới vợ hoặc lấy chồng.

quý, cứu cánh cùng rốt cũng như nhau. Điểm đề cập nơi đây là khía cạnh giáo dục của phận làm cha mẹ”.⁽²⁰⁾

Nếu đưa con cái làm quen với môi trường tu học tại họ đạo, đó là cha mẹ tạo cơ hội cho con cái sống trong môi trường đạo đức. Con cái sinh hoạt thanh niên trong môi trường đồng đạo để có điều kiện quen biết và tìm hiểu nhau. Cha mẹ hai bên cùng chung họ đạo, tình đồng đạo khăng khít mà trở thành tình thông gia hòa hảo thì rất hay.

Cha đạo Cao Đài, mẹ đạo Cao Đài, nuôi dạy con cái trở thành tương lai kế truyền Cao Đài. Đó là con đường để sau này có thêm những mầm non Cao Đài làm lớp người kế thừa, làm thế hệ tiếp nối cho đạo Cao Đài.

8. Cha mẹ tu hành đắc quả về cõi trời vẫn chưa hết bận lòng vì còn tình thương và trách nhiệm với con cái ở thế gian.

Tạm nêu ba minh chứng (từ thánh giáo):

- Ngài Minh Đức Đạo Nhơn giảng cơ dạy hai con trai (đang là hai vị đạo trưởng đáng kính trong hàng lãnh đạo của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam):

“(H)ai con! Cha đã mừng thấy hai con được nối chí của cha mà hành đạo, cố gắng vượt mọi khó khăn thử thách từ nội gia, nội bộ Cơ Quan [Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam] đến ngoại cảnh để đạt được những gì tốt đẹp hiển dung Chí Tôn Thượng Đế.

(...) Nhưng còn có một chút nữa mà cha không thể không nói ra đây, vì không nói e hai con quá bận việc rồi quên đi. Đó là về mặt nhân đạo [人道: đạo (làm) người] ở cương vị làm con hiền.

(...)

“Hai con nhờ tiền kiếp có tu nhiều nên kiếp này cơ duyên đưa đến sinh trưởng vào dòng họ nhà ta để gặp cha đỡ đầu dắt dìu cho đến ngày nay cho nên danh nghiệp, thì hai con cũng phải dìu dắt, đỡ đầu chúng nó [các cháu] như cha đã đỡ đầu hai con. Nếu không làm được việc ấy là độc thiện kỳ thân [獨善其身: chỉ lo cho riêng bản thân mình được tốt lành] đó, hai con ơi!

(...)

⁽²⁰⁾ Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 15-01 Kỷ Dậu (03-3-1969).

“Hai con đừng nghĩ rằng hễ đứa nào thích thì bắt đầu nâng đỡ chúng, còn đứa nào không thích thì thôi chớ biết làm sao bây giờ! Đừng nói thích hay là không thích. Thử hỏi những đứa trẻ mới sinh đâu có biết hoặc ưa thích gì những thứ nào là ăn trầu, hút thuốc, nha phiến, ghiền rượu, đánh bạc... đâu. Nhưng vì hễ vào đời, gần mực thì đen, gần đèn thì sáng. Trong lúc hai con lo phổ độ chúng sanh đó đây khắp các nẻo đường, nỡ nào bỏ quên chúng sanh bên cạnh hai con. Làm sao khỏi uống công tạo hóa chúng mới thật là hai con chí hiếu đó vậy”. ⁽²¹⁾

Lời dạy của Đức Minh Đức Đạo Nhơn khiến các bậc cha mẹ cần lưu ý rằng nên hướng dẫn con cái biết sinh hoạt đạo đức với một thánh sở càng sớm càng tốt. Tuổi của con cái càng lớn thì thường càng khó dạy bảo. Uôn tre từ thuở tre non.

- Đức Hiền Thế Đạo Nhơn giáng cơ nhắn nhủ gia đình:

“Hiền nương Diệu Hạnh! Sao hiền nương không dạy bảo con Lan và chồng của nó có mặt những ngày đàn [mùng 1 và rằm mỗi tháng âm lịch] để nhờ ân điển thiêng liêng chan rưới cho chúng nó. Dầu sao chúng nó cũng có căn xưa, nhưng vì tuổi trẻ còn đang tranh cạnh với đời. (...) Hiền nương có nhắc và khuyên, chúng nó mới nghe theo và lấy đà mà tiến tới”. ⁽²²⁾

- Trong lúc tu hành tại thế gian, Ngài Phan Văn Sử trót thiếu sót bốn phận với gia đình. Sau khi về trời, Ngài phải cầu xin Đức Chí Tôn cho phép giáng trần để khuyên dạy gia đình. Đức Chí Tôn dạy:

“Vây giờ nay Thầy cho chơn linh Phan Văn Sử tá cơ để nhắn nhủ gia đình. Vì Sử ở thế có lòng tu chơn hành đạo, trọn đức tin với Thầy nhưng không độ được trong gia đình, đó là thiếu bốn phận.” ⁽²³⁾

9. Tạm kết về trách nhiệm của cha mẹ.

Trong gia đình người đạo Cao Đài, cha mẹ có trách nhiệm thiêng liêng đối với con cái, sao cho cha mẹ và con cái đều biết tu học và hành đạo tùy theo khả năng cũng như tâm nguyện.

⁽²¹⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, 10-02 Nhâm Tý (24-3-1972).

⁽²²⁾ Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 01-4 Kỷ Dậu (16-5-1969).

⁽²³⁾ Thanh Liên Đàn, 14-12 Giáp Thìn (16-01-1965).

ĐỨC NHẪN VỚI NGƯỜI TU

Nguyễn Công Khánh

Từ xưa nay bao nhiêu công nghiệp các bậc Trượng phu Bồ Tát nhờ có lòng kiên trì nhẫn nại mà đã tạo thành bao nhiêu công nghiệp vẻ vang để lại cho đời, đến nay tiếng tăm còn nhắc. Xem các bậc kia chẳng những đã lăn lộn với bao hoàn cảnh, chịu nhục, chịu đau, chịu chê, chịu trách, mà còn có khi hy sinh cả thân mạng để mưu lấy sự nghiệp cho đời nếu cần, thì biết rằng trên đường Đạo, ai có quyết tâm mới làm tròn nguyện lực, có lập chí mới tu thoát trần ai, chớ muôn việc đời không có chi dễ.

Lý Bạch Đại Tiên

T.Thất Trung Nguyên, 28-4-ĐĐ.34 (Kỷ Hợi) (04-6-1959)

Ngay từ thời Thượng nguyên, nguyên Thánh đức, người ta phải sống chung đụng cùng nhau, chịu đựng sự tình nghịch của con trẻ, bỏ qua cái lú lẫn của người già, chờ đợi trái chín mới hái, chia sẻ thức ăn và kinh nghiệm sống; bảo vệ, an ủi, động viên nhau vượt qua khó khăn trước những biến động của thiên nhiên . . . cho thấy tính nhẫn xuất hiện đồng thời với loài người.

Dân số ngày càng tăng lên, người ta bắt đầu phân chia nhóm và sống theo từng vùng để tìm cái ăn. Tư tưởng sở hữu, cạnh tranh bắt đầu lộ diện. Loài người bước vào thời Trung nguyên, nguyên Tranh đấu. Trong thời kỳ này tính nhẫn lúc còn lúc mất. Các nhà chính trị, quân sự lợi dụng tính nhẫn để bày thành mưu kế nhằm chiến thắng đối phương, đúc kết thành “Khổ nhục kế” (tạm gọi là “kế nhẫn”), là một trong 36 kế sách mà những người cầm quân ai cũng biết. Các nhà giáo dục cũng luôn đề cao tính nhẫn và nâng lên tầm luân lý đạo đức, gọi là “đức nhẫn”, mong rằng sẽ dẫn dắt con người quay về thời Thánh đức.

Ngày nay, thời Hạ nguơn, loài người ngày càng phát triển nền văn minh vật chất, sự tranh đấu càng thêm phương tiện tàn hại. Lừa đảo, chiêu dụ càng lắm tinh vi. Thiên tai, bệnh tật vô cùng khốc liệt. Cái ác và cái thiện đan xen, kẻ nhẫn và đức nhẫn lẫn lộn, khó mà phân biệt. Loài người đứng trước thêm tự diệt.

Kẻ nhẫn trái ngược với đức nhẫn. Kẻ nhẫn chứa đựng bên trong nó là hơn thua, cố chấp, thù oán, sân hận. Đức nhẫn được un đúc bởi tình thương, kiên trì, tha thứ, từ bi.

Các nhà đạo đức thấy rằng, để cái thiện thắng cái ác thì đức nhẫn càng phải nhắc tới nhiều hơn và được phân tích rõ hơn để mọi người cùng nhau tìm hiểu và áp dụng rèn luyện, do đó có nhiều kinh sách dạy về đức nhẫn. Trong phạm vi bài này chúng ta cùng trao đổi, tìm hiểu nhẫn với người tu theo tinh thần đức nhẫn.

Chữ nhẫn là chữ có gốc Hán tự, có nghĩa là nhịn, nén, chịu đựng.

- Nhịn: tức là bỏ qua, tha thứ, không cố chấp để tạo sự hòa ái trong tập thể. Để diễn tả tâm trạng này ta có từ nhẫn nhịn, nhẫn hòa.

- Nén : ta hiểu là ngăn lại, không cho sự bức tức bộc phát; kìm chế sự nóng nảy có thể làm thất bại công việc, kiên trì chờ đợi, trung thành với chí hướng đã vạch ra. Diễn tả ý này ta có từ kham nhẫn, kiên nhẫn, nhẫn nại.

- Chịu đựng: chấp nhận thực tại, không than van, không oán trách; ngay cả khi thực tại đó rất ê chề, phủ phàng. Ta có từ nhẫn nhục.

Trong ba ý nêu trên, nhẫn nhục là đỉnh cao của nhẫn. Nhẫn nhục là pháp môn thứ ba trong Lục độ, gọi là sáu đại hạnh của Bồ Tát, gồm: Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định và Trí huệ.

Theo Phật học, người ta chia nhẫn ra làm 2 loại:

- Những điều do con người gây ra như những mâu thuẫn, những khó chịu... gây ra phiền toái trong quá trình chung sống mà mình chịu nhịn được, kìm chế bức tức được, tha thứ được để giữ sự hòa ái; kiên trì vượt qua để đi đến mục tiêu, gọi là sanh nhẫn.

- Những điều đến từ hoàn cảnh khách quan, từ thiên nhiên như mưa nắng, giông bão, lũ lụt mà mình chịu được và tìm cách sống chung, gọi là pháp nhẫn.

Từ những kinh nghiệm tích lũy, khi hình thành chữ viết, người Trung Hoa xưa đã tạo thành một chữ gồm 3 chữ ghép lại gọi là chữ nhẫn. Chữ nhẫn gồm chữ nhất và chữ đao ở trên, chữ tâm nằm dưới. Người ta xếp chữ nhẫn vào bộ tâm.

Chữ nhẫn tượng hình đó cho chúng ta ý niệm rằng dù ở hoàn cảnh nào, gặp một việc gì cũng phải đủ bình tĩnh để có sáng suốt; nhạy bén, tinh tế để nhận định sự việc đúng đắn, hợp thời (biểu thị bằng chữ đao). Khi đã nhận định là việc đúng đắn thì quyết tâm, nhất định thực hiện cho đến nơi đến chốn (biểu thị bằng chữ nhất). Căn bản hơn hết là phải có tấm lòng thương yêu, rộng mở chở che (biểu thị bằng chữ chữ tâm bên dưới). Mặt khác chúng ta cũng thấy rằng khi tu tập đức nhẫn thường gặp phải không ít những khó khăn, thiệt thòi; nếu thiếu sự bình tĩnh, bao dung cũng có thể gây ra điều đáng tiếc.

Như vậy, trong cuộc sống đòi hỏi chúng ta phải luôn có đức tính nhẫn để hóa giải những nghịch cảnh, đôi khi là thuận cảnh, đến với mình nhằm mang lại cho mình và mọi người cuộc sống bình an, hòa ái.

Là người sống trên thế gian này ai cũng cần có đức nhẫn, đối với người tu hành thì việc tu tập đức nhẫn càng cần thiết hơn.

Tại thánh thất Nam Trung Hòa, ngày 27-7nh - ĐĐ13 (Mậu Dần) (20-9-1938), Đức Thái Bạch Trường Canh dạy:

Bởi nơi cương quyết kiên trì,

Bởi nơi nhẫn nại sau thì mới nên.

Tu hành là để mưu cầu giải thoát. Giải thoát từng chút, từng chút, không thể một tháng hay một năm là xong mà có thể là cả đời hay nhiều kiếp. Nếu không nhẫn nại, kiên trì thì e rằng khó có thành công.

Trên đường tu, nhẫn nại là việc phải thường xuyên tu tập. Trong lúc xử sự tiếp vật luôn có những vấn đề xảy ra không như mình mong đợi, việc tuy đơn giản nhưng cũng dễ dàng lôi cuốn mình vào trạng thái bất bình. Nếu khéo nhẫn nại thì bình yên. Không có đức nhẫn, không nhẫn nại được thì việc nhỏ có thể thành việc lớn, làm hỏng công trình tu tập.

Người xưa có khuyên rằng:

Nhẫn nhất thời phong bình lãng tĩnh. Thoái nhất bộ hải khoát thiên không. (Nhìn một lúc sóng yên gió lặng. Lùi một bước biển rộng trời cao.)

Tăng Quảng Hiền Văn, Lê Anh Minh dịch và chú, NXB Hồng Đức 2022.

Trong thực tế đời sống hằng ngày, sự nhẫn nhịn làm gia tăng sự hòa ái giữa nhau. Khi mình sẵn sàng bỏ qua, tha thứ một sai lầm của người khác gây ra cho mình sẽ làm cho họ thấy vui và tin cậy. Từ đó tình cảm thân thiện có thể phát triển, đoàn kết gắn bó nhau hơn. Ông bà chúng ta nói *Một việc nhịn chín việc lành* để khuyên chúng ta biết nhẫn nhịn.

Đức Quan Âm Như Lai dạy:

***Nhẫn nhịn** trước khó khăn để bảo toàn thân mạng, hơn chi một đôi lời nói, cần chi một chỗ đứng mà ganh tỵ xích mích nhau làm cho lòng mất thanh tịnh.*

Thánh thất Trung Hòa, ngày 10-8-ĐĐ.33 (Mậu Tuất) (22-9-1958)

Như vậy người tu không thể không tu tập đức tính nhẫn nhịn.

Người chưa tu được khuyên bảo tập đức nhẫn, người đang tu hành cần phải tu tập đức nhẫn; người chức sắc, chức việc lại càng phải tu tập đức nhẫn nhiều hơn nữa.

Đức Thái Bạch Kim Tinh dạy:

*Người Chức sắc kẻ nhân viên phải gương mẫu ôn hòa, nét mặt lúc nào cũng tươi cười vui vẻ, cảm hóa nhau, **nhẫn nhục để hòa người**, hằng xét lại mình mỗi bữa, đừng biếng nhác, phải chuyên cần, việc nhỏ đến việc to đều chu đáo, chớ có phân chia sang hèn mà ngã tướng không dẹp được.*

Thánh thất Từ Quang, ngày 09-01-ĐĐ.31 (Bính Thân) (20-02-1956)

Thầy dạy rằng trường đời là trường thi. Ở đó có rất nhiều chông gai thử thách để làm bài học, bài thi cho người tu trên đường hành đạo lập công. Người tu phải có nhiều cố gắng, phải nhiều kiên trì, nhẫn nại, bình tĩnh, đủ sáng suốt để vượt qua.

Đức Quan Âm Bồ Tát dạy:

Từ nay trở đi trên con đường hành Đạo còn trải qua nhiều gay go, phải nhẫn nại bình tĩnh, mọi việc chi cũng đều có Thầy có Phật Tiên soi dẫn che chở cho cả. Vì phải đi qua một đoạn đường như thế, là để cho người Thiên ân trở nên xứng đáng làm hướng đạo sau này; để cho

toàn Đạo một chuỗi đời mệt nhọc, mới đủ công lao xứng đáng trong Thánh Thể Tam Kỳ.

Trung Hưng Bửu Tòa, ngày 03-01-ĐĐ.34 (Kỷ Hội) (10-02-1959)

Đức Hưng Đạo Đại Vương cũng dạy:

Trượng phu lo một nước, Bồ Tát cứu năm châu. Lòng Bồ Tát dẻo dai, nhẫn nhục, một kiếp làm chưa xong, muôn vạn kiếp sau cũng nguyện làm cho được.

Thánh thất Kim Quang Minh Đài, ngày 10-12-ĐĐ.30 (Ât Mùi) (22- 01-1956)

Tu tập đức nhẫn là tu tập hạnh Bồ Tát để làm Bồ Tát. Để nên người Bồ Tát thì phải có đức nhẫn.

Đức Vô Lượng Thọ Quang dạy:

Nên người Bồ Tát phải sao?

Phải tâm thanh tịnh, thanh cao nhẫn hòa.

Thánh thất Từ Quang, ngày 09-01-ĐĐ.32 (Đinh Dậu) (08-02-1957)

Để nên người Bồ Tát thì phải có tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh để có đủ sáng suốt mà nhận định sự việc. Đời sống người tu phải thanh cao như hoa sen vượt lên khỏi bùn, phơi mình trong nắng; Phải nhẫn nại, kiên trì và có sự hòa ái với mọi người. Các Đấng Thiêng liêng thường dạy bình tĩnh, thanh tịnh đi kèm với nhẫn nhịn, nhẫn nhục. Vì có thanh tịnh, bình tĩnh mới có sáng suốt, hiểu biết. Đức nhẫn rất cần sự sáng suốt, hiểu biết để đem ra sử dụng như thế nào cho hợp. Câu chuyện sau đây cho chúng ta hình dung về ý này:

Đức Liễu Tâm Chơn Nhơn, lúc còn tại thế, có một lần di chuyển bằng xe khách. Ngồi bên cạnh Ngài là một người đàn ông, do không kìm được cơn chột dạ nên đã phóng uế ngay tại chỗ. Mùi hôi bốc lên trong xe, nhiều ánh mắt hướng về phía Ngài ngồi, anh phụ xe tưởng là Ngài gây ra nên tức giận đánh Ngài. Ngài làm thinh. Xe đến bến. Mọi người xuống xe. Anh phụ xe phát hiện ra người đàn ông bên cạnh mới chính là thủ phạm nên càng thêm tức giận và xông đến hành hung anh ta. Ngài lập tức ngăn lại và nói: Khi này tôi đã chịu đánh thay cho anh ta rồi, bây giờ anh không được đánh anh ta nữa.

Chúng ta thấy, Ngài bị đánh oan nhưng không phản kháng. Lúc đó Ngài nhẫn nhục chịu đựng để cho người bệnh kia được yên và người phụ xe cũng bớt giận. Nhưng khi thấy người đàn ông kia bị hành hung

khi xuống xe thì Ngài không nhẫn nhịn nữa mà lập tức can ngăn để bênh vực người yếu thế, bảo vệ sự công bằng. Lúc ấy Ngài không nhịn anh phụ xe, người có hành vi bạo lực; mà Ngài vẫn tiếp tục nhịn người đã phóng uế, tha thứ cho người đã gây ra sự phiền toái làm liên lụy đến mình.

Thử hỏi, trường hợp chúng ta rơi vào hoàn cảnh đó, chúng ta hành động như thế nào? Như vậy, khi nào thì nhẫn nhịn, khi nào thì không? Quả thật tu tập đức nhẫn không dễ dàng chút nào! Không có sáng suốt, thiếu hiểu biết, không có lòng Bồ Tát thì khó nhẫn!

Khi chúng ta thực hành được một đức nhẫn, một nhẫn nhịn, ngay lúc đó chúng ta là Bồ Tát, Bồ Tát tức thì. Nhưng lúc khác cần nhẫn nhịn mà mình lại không nhẫn nhịn được nữa nên không còn là Bồ Tát.

Chúng ta chưa có tính nhẫn nhịn, nhẫn nại hay nhẫn nhục thường xuyên bởi vì chúng ta chưa có quyết tâm tu trì, chưa có chí Bồ Tát. Thấy được điều này nên Ngài Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung đã nhắc nhở:

Mấy em nếu không gan anh kiệt chí Bồ Tát thì sao đủ nhẫn nại để hoàn thành nhiệm vụ Trung Hưng.

Trung Hưng Bửu Tòa, ngày 13-7-ĐĐ.33 (Mậu Tuất) (27-8-1958)

Đức Ngô Tôn Sư cũng dạy chúng ta:

Phàm người tu hành muốn được tiến lên nấc thang đạo pháp phải luôn luôn gìn giữ đức tính nhẫn nhục, tinh tiến và thiền định. Có nhẫn nhục thì mới vượt qua bao nhiêu sự thử thách mài dũa của đời, có nhẫn nhục mới diệt sạch được ma phiền não sân hận, phẫn nộ không còn trong tâm thức mới đem lại cho mình những đức tính bác ái từ bi. Có tinh tiến thì mới mau đạt thành ý nguyện, có tinh tiến mới diệt sạch được ma vô minh phiền não đen tối si mê, con ma biếng nhác chậm chạp mới không còn nhiều hại đến ta nữa. Có thiền định thì vọng tâm mới lặn xuống, trí tuệ mới khai thông, chơn như bản giác mới hiện ra được, hể hiện ra thì sáng tỏa khắp mười phương, không một vật gì là không biết; còn bị vô minh phiền não che lấp đen tối, thì một vật gì cũng không thấy được.

Đức Ngô Minh Chiêu - Tịnh Đường, Ngày 8-9-Quý Mão (ĐĐ38) (24-10-1963)

Đức Lý Giáo Tông cũng sách tấn tinh thần chúng ta.

Song cơ Đạo hôm nay phải đòi hỏi ở chư hiền rất nhiều sự cố gắng hy sinh nhẫn nại mà tinh tiến hơn nữa, vượt cả mọi khía cạnh, sang bằng mọi mâu thuẫn bất đồng, vứt bỏ mọi cái gì hẹp hòi để phụng sự cho Giáo hội.

**Lý Giáo Tông - Trung Hưng Bửu Tòa,
ngày 15-01-ĐĐ.42 (Đinh Mùi) (23-02-1967)**

Và Thầy dạy:

Hỡi các con Hướng đạo! Dù sao Thầy cũng khuyên các con nên tự trách mình, chưa đủ đức để cảm người, chưa đủ tài để phục người, chưa đủ uy để chấp hành Pháp Đạo trước mọi nghịch cảnh, các con nên lấy đức từ bi hỷ xả, nhẫn nhục và tiến thủ, nếu không hơn được thì các con cũng cố gắng bảo tồn lấy đường lối Trung Hưng mấy mươi năm qua Thầy hằng dạy bảo, còn mọi sự chi chi Thầy sẽ xấp đặt.

**Ngọc Hoàng Thượng Đế - Ngọc Minh Đài,
ngày 04-3-ĐĐ.38 (Quý Mão) (28-3-1963)**

Qua lời dạy của Ôn trên, một lần nữa chúng ta thấy được rằng tu tập đức nhẫn chính là tu tập sáu hạnh lớn của Bồ Tát. Lấy Bồ thí, Trì giới làm nền tảng; Nhẫn nhục, Tinh tiến và Thiền định để khai thông chương ngại; tiến đến đỉnh cao Trí huệ, phá tan phiền não vô minh.

Tóm lại.

Nhẫn nhịn, nhẫn nại, kiên nhẫn hay cao hơn là nhẫn nhục là những đức tính phải có đối với người tu hành. Thiếu đức nhẫn đường tu hành không đi tới thành tựu viên mãn.

Xin quý huynh tì nhớ lời căn dặn của Thầy sau đây:

*Gắng lên Thầy sẽ dắt con lên
Sử Đạo ngàn thu rạng tuổi tên
Chí cả muốn toan nên nghiệp cả
Từ bi nhẫn nhục nhớ đừng quên.*

**Ngọc Hoàng Thượng Đế
Thiên Lý Đàn, Tuất thời ngày 10-8-Quý Mão (ĐĐ38) (27-9-1963)**

Mùa Hội tịnh Nhâm Dần - 03/9/ĐĐ97 (28.9.2022)



TÂM *Và* TÁNH

Hùng Vạn

(Minh Lý Thánh Hội)

Tâm và **Tánh** là hai từ mà ta hay nghe nói đến trong cuộc sống đời thường như: “*Anh này không có Tâm*”, “*Chị ấy Tánh tốt lắm*”, cũng như khi đọc sách Đạo, có những câu như: “*Tu Tâm luyện Tánh*” (theo Lão); “*Tồn Tâm dưỡng Tánh*” (theo Khổng) hay: “*Minh Tâm kiến Tánh*” (theo Phật).

Vậy Tâm - Tánh là gì? Tại sao nói *Tâm trước Tánh sau* (Tâm Tánh) mà không là *Tánh trước Tâm sau* (Tánh Tâm)?

I. TÂM - TÁNH XÉT VỀ HÌNH NHI HẠ HỌC (Thế đạo)

Trước tiên, ta hãy nói đến Tâm. Chữ *Tâm* (心) có hình dáng giống như trái tim, nên khi nói đến Tâm là ta nghĩ đến Trái Tim và theo học giả Đào Duy Anh: “*Ngày xưa tưởng lầm rằng Trái Tim là chỗ nghĩ ngợi, lo lắng nên phạm cái gì thuộc về nghĩ ngợi, lo lắng đều gọi là Tâm*”.

Sở dĩ, có sự nhầm lẫn là do chưa phân biệt được: **Tâm là vô hình còn Tim là hữu hình** và sự lo lắng, nghĩ ngợi (vô hình) nên thuộc Tâm, còn Tim là một bộ phận trong thân thể của ta (hữu hình), có nhiệm vụ đưa máu đi khắp cơ thể để duy trì sự hoạt động của các cơ quan nội tạng.

Tâm và Tim đều có vai trò rất quan trọng như nhau: Tâm duy trì sự sống “bên trong” còn Tim duy trì sự sống “bên ngoài”. Nếu không có Tâm thì ta không còn “người” và không có Tim thì ta không tồn tại. Đó là sự khác biệt giữa Tâm và Tim.

Như đã nói, Tâm là sự sống “bên trong”. Vậy sự sống đó thể hiện ra sao? Làm sao nhận biết? Thật ra sự sống “bên trong” đó là sự “biết” mà ta ít để ý đến, ví dụ như khi ta suy tư, tưởng nhớ chuyện đã qua, hình dung chuyện sẽ tới thì đó là **Tâm Tưởng**; khi ta nhận biết người

này người khác, phân biệt vật này vật kia, đó là **Tâm Thức**; khi ta vui, buồn, lo lắng, yêu, ghét hoặc nhận biết cảm giác của thân thể thì đó là **Tâm Thọ**; khi ta tính toán, dự trù, sắp xếp, vạch kế hoạch... cho một việc gì đó thì là **Tâm Hành**.

Các Tâm: *Thọ, Tưởng, Hành, Thức* ở trong Thân ta (Sắc) không thấy được nhưng khi thể hiện ra bên ngoài gọi là Tánh, tức là *Tánh của Tâm* thì có thể nhận biết được, như người hay suy tư, lo lắng thì có **Tánh Lo**, người luôn chạy theo vật chất, tiền bạc thì có **Tánh Dục**, người hay lớn tiếng, quát nạt thì là **Tánh Nóng**, người hay khoe khoang, coi thường người khác thì có **Tánh Kiêu**,...

Như vậy, Tánh là do Tâm mà ra, bởi: “*Tánh tự tâm sanh*” vì chữ *tánh* (性) là do bộ tâm (忄) và chữ sanh (生) tạo thành, nên *Tâm là gốc và Tánh là ngọn*. Do đó, Tâm tốt thì Tánh lành, Tâm tà thì Tánh xấu, nên thường mới nói: “*Tâm sao Tánh vậy*”, nghĩa là *Tâm trước Tánh sau*.

Ngoài ra, theo hình nhi hạ học về phương diện nội cảm thì:

- Tâm theo Khổng giáo hàm chứa chủ nghĩa nhân văn (nhập thế).
- Tâm theo Lão giáo hàm chứa chủ nghĩa tự nhiên (xuất thế).
- Tâm theo Phật giáo hàm chứa chủ nghĩa nhân duyên (nghiệp)

Tuy quan niệm khác nhau về xuất phát điểm của Tâm, nhưng cả tam giáo đều luôn coi trọng cái Tâm và cho đó là nguồn gốc của mọi vấn đề.

II. Tâm - Tánh xét về hình nhi thượng học (Thiên đạo)

Một bài thơ chữ Hán nói về chữ Tâm (心), như sau:

*Tam điểm như tinh tượng,
Hoành câu tợ nguyệt tà.
Phi mao từng thử đắc,
Tác phật giả do tha.*

Nghĩa là :

*Ba điểm như ba ngôi sao,
Móc câu nằm như trăng nghiêng.
Mang lông, đội sừng là do nó,
Làm Phật cũng là do nó.*

Theo đó, con người trở thành loài vật mang lông, đội sừng hoặc trở thành Tiên, Phật là do *Tâm*. Tâm đây chính là *nhân cách, đạo đức, phẩm hạnh* (tam điểm) nằm trong con người (hoàn cảnh). Cho nên, nếu người luôn hướng thượng thì ba điểm đó được rõ ràng, trong sạch, tinh khiết, như ngôi sao sáng, còn người luôn mưu chước, tính kế hiểm độc, nghĩa là thường hướng hạ thì nhân phẩm bị vật đục, hoen ố, cáu bẩn, chẳng ai nhìn mình dù có mặc ba lớp áo màu sắc sỡ, như lời dạy của Đức Bác Nhã Thiền Sư:

*Lòng hay hướng hạ, suy đồi,
Lòng hay hướng thượng, lên ngôi Niết Bàn.*

Mặt khác: *Tâm như gốc rễ và Tánh như ngọn ngành*. Tâm hướng thượng như cây mà gốc rễ vững chắc, ngọn ngành bên trên dù có gió giông lay chuyển cũng không gãy đổ, vì Tánh được bồi đắp bởi Tâm kiên, nên ngọn ngành chỉ cong qua, uốn lại rồi sẽ trở lại lúc ban đầu. Ngược lại, nếu tâm hướng hạ thì chỉ một ngọn gió thổi qua thì cả gốc lẫn cành đều gãy rụng, tả toại xuống đất.

Tâm hướng thượng đó là *Kiên Thật Tâm* hay *Tâm Không*, bởi vì *Không* nên chẳng có vật nào tác động được, nên thường hằng và Tánh luôn tỏa sáng, rạng ngời, còn nếu *Tâm Vọng* thì luôn “*đối cảnh sinh tâm*” khiến Tánh bị sai xiển, chạy theo vật đục, nên Đức Bác Nhã Thiền Sư đã dạy:

*Lòng ra ngoài ruổi dong theo vật,
Lòng vào trong là Phật sáng ngời.*

Tóm lại:

- ***Tâm là nước***, vốn thường tịnh.
- ***Tánh là sóng***, hay động vì gió.

Khi gió được dừng (cảnh dứt) thì sóng sẽ yên (lòng an) và nước sẽ lặng (tâm tịnh), tức là Tâm – Tánh định, đó là ***Chơn***. Bằng không, nếu sóng cứ nhấp nhô mãi, đợt này tiếp nối đợt khác, tức là Tâm - Tánh bất định, đó là ***Vọng***.

Và:

*Vọng tâm là nguyên nhân của sanh tử luân hồi.
Chơn tâm là căn bản của Niết bàn giải thoát.*



(Nhân lễ kỷ niệm Đức Jesus Christ Giáng sinh)

Minh Tú

Thuật ngữ Luân Xa xuất hiện lần đầu tiên trong kinh Veda (Vê Đà) của Ấn Độ giáo hay Hindu giáo khoảng năm 500 trước Công Nguyên. Cho đến khoảng vài thập kỷ gần đây, các khái niệm “Năng lượng vũ trụ” và “Luân xa” bùng phát tràn lan trong vô vàn các bài giảng/bài viết và sách, bài nói chuyện về Yoga, Thiền, Khoa học Tâm linh mang hơi hướng tưởng tượng thổi phồng, sao chép của những người chưa hề qua một cuộc sống tu hành thật sự nghiêm túc nào làm người đọc/người nghe vô cùng bối rối và hoang mang không biết đâu là sự thật hay chân lý dẫn đến nhiều người vì những ảo vọng ngông cuồng về quyền năng siêu hình đạt được khi khai mở Luân xa hoặc luyện Năng lượng Vũ trụ đã bị tổn thương thể xác hoặc tinh thần (điên).

Bài viết sẽ trình bày về bản chất Luân Xa trong cơ thể người theo thực chứng luyện Đạo và trên góc độ khoa học, đồng thời chỉ rõ mối tương đồng giữa Đạo Thiên Chúa (Công Giáo, Ki Tô Giáo hay Cơ Đốc Giáo) và Đạo Cao Đài qua hệ thống Luân Xa ẩn tàng trong kiến trúc đại Thánh đường Thiên Chúa và Thiên Bàn Chiếu Minh.

Bàn về Đạo Thiên Chúa và Đạo Cao Đài là bàn về tâm pháp bí truyền (nội giáo tâm truyền) như đã trình bày trong bài “Vạn Giáo Nhất Lý giữa Đạo Phật và Đạo Cao Đài” (Sống Đạo Hạ Nhâm Dần).

LUÂN XA THEO QUAN ĐIỂM ẨM ĐỘ GIÁO VÀ KHOA HỌC

Luân xa (Devanagari: चक्र, tiếng Anh: Chakra) được cho là trung tâm của năng lượng tâm linh hay sinh lý ẩn trong cơ thể con người, theo truyền thống bí truyền của Ẩn Độ giáo được ghi trong kinh Vệ Đà.

Theo tác phẩm “Kích hoạt chuỗi ADN 12 dây” (12 strand DNA activation) của khoa học Tế bào-Lượng tử - Tâm linh nêu rõ bản chất của Luân xa: “Mỗi một dây trong chuỗi ADN 12 dây tương ứng với một trong 12 khía cạnh của ý thức đa chiều. 3 dây ADN tương ứng và điều khiển cơ thể vật lý, 3 dây ADN khác liên quan đến cơ thể cảm xúc, 3 dây ADN nữa liên quan thể trí tuệ, 3 dây ADN còn lại liên quan thể tinh thần/linh hồn. Tất cả 12 khía cạnh này được kết nối và nuôi dưỡng thông qua hệ thống các tuyến nội tiết hormone. Những tuyến nội tiết này hoạt động thành từng cặp đôi với những xoáy năng lượng trong cơ thể được gọi là hệ thống Luân Xa”.

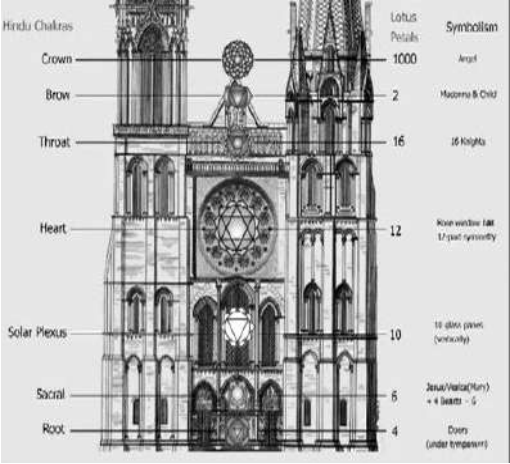
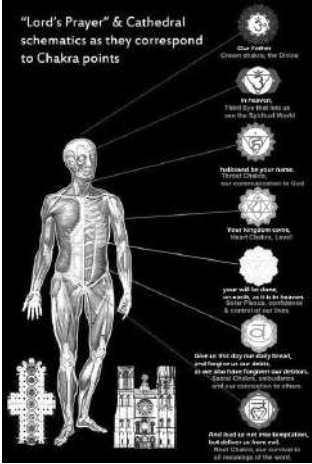
LUÂN XA TRONG KIẾN TRÚC ĐẠI THÁNH ĐƯỜNG (CATHEDRALS) THIÊN CHÚA

Kiến trúc là khoa học, cũng là nghệ thuật về xây dựng những không gian thích hợp cho hoạt động sống của con người.

Kiến trúc tôn giáo còn đặc biệt hơn nữa. Ngoài công năng chính là không gian hành lễ, thờ cúng tôn vinh Thượng đế, Chúa, Phật Tiên và các đấng Thần linh; kiến trúc tôn giáo còn là BẢN ĐỒ CHÁNH PHÁP của một nền tôn giáo mà bậc Giáo Tổ lưu truyền lại cho hậu thế mà không sợ bị sửa đổi, mai một như kinh sách để soi sáng chánh pháp phòng khi cơ Đạo bị phạm tâm tự ý thêm bớt sửa đổi. Kiến trúc tôn giáo phải THỂ HIỆN ĐẦY ĐỦ VĂN HÓA, TÔN CHỈ MỤC ĐÍCH, HỆ THỐNG TRIẾT LÝ CỐT LÕI CHÁNH PHÁP CỦA TÔN GIÁO ĐÓ, MANG TÍNH BIỂU TƯỢNG, NHẬN DẠNG CÔNG TRÌNH THUỘC TÔN GIÁO ĐÓ. Một nhà thờ Hồi giáo không thể nhầm lẫn với thánh đường Thiên Chúa giáo, càng khác biệt với chùa Phật giáo và Thánh Thất Cao Đài !

Để tìm ra bản đồ chánh pháp của Đạo Thiên Chúa, chúng ta hãy bắt đầu với kiến trúc đại Thánh đường (Cathedral) là Nhà Thờ Đức Bà ở Paris vì như lập luận ở trên trong kiến trúc đại Thánh đường như ở tại Nhà Thờ Đức Bà Paris có thể ẩn chứa triết lý cốt lõi chánh pháp của Đạo Thiên Chúa chăng ?

Khởi nguồn từ cuốn sách “Những bí ẩn của các đại Thánh đường” (The mysteries of cathedrals) được xuất bản ở Paris năm 1926 của Fulcanelli, một số nhà nghiên cứu tôn giáo ẩn danh hiện nay đã dựng ra được sơ đồ luân xa trong cơ thể người được ẩn giấu trong mặt bằng và mặt đứng kiến trúc của các đại Thánh đường Thiên Chúa (Catholic cathedrals) như Hình 1, 2 và 3.



Hình 1: Luân xa trong cơ thể.

Hình 2: Luân xa trong mặt đứng.

Hình 3: Luân xa trong mặt bằng.

LUN XA TRÊN THIÊN BÀN CHIẾU MINH - CAO ĐÀI ĐẠI ĐẠO

Theo Đại thừa Chơn Giáo của Cao Đài Đại Đạo, Thầy dạy: “Thầy giải về bảy thể của linh hồn.

Linh hồn của con người từ ở cõi Bồng Lai Tiên Cảnh hoặc Cực Lạc Niết Bàn mà muốn đầu thai xuống cõi hạ giới này là cõi thứ bảy thì đã phải trải qua sáu cõi hư linh ở thượng tầng không khí, mà mỗi khi trầm xuống mỗi cõi hư linh thì linh hồn phải chịu dưới quyền cấu tạo của Tạo Hóa chi cơ,

nghĩa là phải thọ bảm thần khí ở cõi hư linh đó mà bao bọc thêm ra ngoài một lớp thể chất nữa, mà hễ càng trầm xuống xa chừng nào thì lại càng nặng nề thêm chừng nấy. Khi trầm xuống đến cõi dục giới này lại còn phải mang thêm một cái xác thân phàm tục trọng trọc đủ điều, nhưng cũng nhờ có cái xác thân phàm, đủ đầy tam bửu ngũ hành mà kẻ giác ngộ con đường lành lo tu hành đặng có tấn hóa trở về nguyên vị cũ. Đó là THẦY giải về sự thối hóa hay tấn hóa của linh hồn do luật dinh hư của Tạo Hóa. Chỉ như ngày hôm nay, nhằm thời kỳ Thiên ân đại xá, THẦY giảng trần gieo rải mỗi chơn truyền để độ rỗi cả toàn linh, tức là THẦY vạch con đường tắt cho tiên thể hay kim thân của các con về thẳng nơi THẦY, khỏi phải ngưng nghỉ ở mấy cõi hư linh để cõi cho rồi bảy lớp thể chất bao bọc lấy linh hồn”.

Theo Thầy khai thị cho biết thì 6 cõi hư linh đó là “1. Sắc giới, 2. Vô sắc giới, 3. Hạ trí, 4. Thượng trí (tứ tượng), 5. Lương nghi, 6. Thái cực (Cực Lạc Niết Bàn)”, dưới cùng là cõi dục giới mà chúng ta đang sống (qua địa cầu 68).

Con đường tắt cho tiên thể hay kim thân của chúng ta về thẳng nơi THẦY đó là con đường nào, liệu có trái với luật công bằng của Tạo hóa?

Con đường tắt đó là con đường Nội Giáo Vô Vi (Chiếu Minh Vô Vi Tam Thanh). Sở dĩ kim thân của người tu Chiếu Minh về thẳng nơi THẦY, khỏi phải ngưng nghỉ ở mấy cõi hư linh để cõi cho rồi bảy lớp thể chất bao bọc lấy linh hồn là do trong cuộc đời tu luyện, người tu đắc pháp Chiếu Minh đã khai mở (công phá) thành công lần lượt 7 khiếu huyết trên đường Đạo bí mật trong cơ thể người tu. Theo Thầy khai thị 7 KHIẾU HUYỆT này tương ứng với CÔI DỤC GIỚI + 6 CÔI HƯ LINH, nghĩa là người tu đắc pháp Chiếu Minh đã luyện xong kim thân và khai mở thành công các cõi hư linh tương ứng khi còn sống do đó ngày liễu Đạo linh hồn người tu Chiếu Minh sẽ cõi kim thân bay về đúng cõi hư linh mà người tu đó khai mở thành công khiếu huyết tương ứng trong cơ thể khi còn sống. Ví dụ người tu khai mở thành công được khiếu huyết thứ 5 thì khi liễu Đạo sẽ về thẳng cõi Lương nghi, còn chỉ đạt khiếu huyết thứ 3 thì về cõi Hạ trí mà thôi. Vì lẽ đó mà người tu Chiếu Minh không hề được thiên vị trái với Luật Công Bằng của Tạo Hóa.

7 KHIẾU HUYỆT trên đường Đạo bí mật trong cơ thể người cũng tương đồng với 7 LUÂN XA, nói cách khác 7 LUÂN XA tương đồng với CÔI DỤC GIỚI + 6 CÔI HƯ LINH đã nêu trên (“Người là tiểu thiên địa đồng đứng vào bậc tam tài...”, trích ĐTCG). Lưu ý vị trí 7 luân xa theo các tài liệu hiện nay có sự sai lệch vị trí so với 7 khiếu huyết trên đường Đạo bí mật trong cơ thể người và khẩu quyết pháp Chiếu Minh không hề đề cập khiếu huyết hay luân xa nào cả, việc tìm ra các khiếu huyết là do Thầy khai thị riêng cho mỗi người tu đắc pháp mà thôi.

Theo Đại thừa Chơn Giáo của Cao Đài Đại Đạo “Thiên bàn là cái bản đồ, coi ngoài mà biết điểm tô trong mình, tuy là sự giả hình sắp đặt, trái trông sao thì mặt cũng in,...”.

“Thiên bàn là cái bản đồ...” là bản đồ gì? Xin thưa đó là 1. Bản đồ tiểu vũ trụ tức là bản đồ các cơ quan tạng và phủ, khiếu huyết, quẻ dịch vô vi trong cơ thể người. 2. Bản đồ vũ trụ, gồm các côi hư linh và các tầng trời,... Ngoài ra còn nhiều bản đồ khác nhưng nằm ngoài nội dung bài viết này.

Do đó trên thiên bàn Chiếu Minh cũng thị hiện 7 KHIẾU HUYỆT trên đường Đạo bí mật trong cơ thể người, cũng là 7 LUÂN XA, hay cũng là CÔI DỤC GIỚI + 6 CÔI HƯ LINH mà chỉ những ai tu đắc pháp mới “thấy” được.

KẾT LUẬN:

1. Cả cốt lõi chánh pháp của Đạo Thiên Chúa và Cao Đài Đại Đạo (gọi tắt là Đạo Cao Đài) đều liên quan đến luân xa trong cơ thể người thị hiện trong kiến trúc đại Thánh đường Thiên Chúa và Thiên bàn Chiếu Minh- bản đồ vô vi của Cao Đài Đại Đạo- Chiếu Minh Vô Vi Tam Thanh.

Lưu ý Ấn Độ giáo chính là Phật giáo thời Nhất Kỳ Phổ Độ. Nếu kết luận tính NHẤT LÝ giữa Đạo Thiên Chúa, Đạo Phật và Đạo Cao Đài ở đây cũng không sai nhưng bài viết không bàn về NHẤT LÝ giữa 3 nền Đạo vì quá cao thâm khó hiểu cho độc giả mà chỉ trình bày chánh lý về Luân xa mà thôi.

Chú ý tác phẩm “Những bí ẩn của các đại Thánh đường” (The mysteries of cathedrals) được xuất bản vào năm 1926 cũng chính là

năm Khai Minh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ!!! Đây là sự trùng hợp ngẫu nhiên hay sự an bài của Thầy ẩn ý NHẤT LÝ của Đạo Cao Đài từ ngày đầu Khai Minh với Tam Giáo cửu lưu!?

2. Việc khai mở 1 khiếu huyết (luân xa) trên đường Đạo bí mật của người tu Chiêu Minh đã được thọ pháp môn do chính Thầy truyền, được Thầy trực tiếp hộ độ mỗi giờ tu cùng với 2 Long Thần hộ pháp bảo vệ nhưng vô cùng khó khăn gian nan (trong 1 Đàn Chiêu Minh hàng trăm người nhưng khai mở luân xa thành công chỉ có một số rất ít). Từ đó có thể thấy những người viết sách hay giảng về phương pháp khai mở luân xa ngoài thế gian là hoàn toàn vọng ngữ, thổi phồng tưởng tượng. Cũng không hề có một quyền năng siêu hình nào đạt được khi khai mở được luân xa cả. Chúng ta phải hết sức cẩn trọng với những bài viết/giảng ở thế gian nếu không muốn đi vào con đường tà mị.

3. Để ý hơn một chút và bỏ qua các tiểu tiết, mặt bằng và mặt đứng các đại Thánh đường Thiên Chúa rất tương đồng với mặt bằng và mặt đứng ngôi Tam Đài của Cao Đài. Có lẽ kiến trúc Tam Đài Cao Đài (mà đại diện mẫu mực là tòa Thánh Tây Ninh và Trung Hưng Bửu Tòa Đà Nẵng) tự bên ngoài đã ẩn chứa hệ thống triết lý cốt lõi chánh pháp của Đạo Cao Đài (chính là 7 khiếu huyết - 7 luân xa - cõi dục giới + 6 cõi hư linh trong cơ thể người tu - tiểu thiên địa) mà sau 101 năm khai Đạo (1921 - 2022) chưa một ai tìm ra. ☯



Ý NGHĨA VỀ ĐẠO SỐ CỦA THỜI ĐIỂM XUẤT HIỆN **ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ**

Đạt Tường

Lịch Sử Đạo Cao Đài quyển 1 của Cơ quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo phát hành năm 2005 có ghi:

“Danh hiệu Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ - không kể đã được nêu trước trong kinh sách như những lời tiên tri - được chư Tiên khai Nhánh Hai tiếp nhận vào ngày mừng Một Tết Bính Dần (1926) qua lời Đức Chí Tôn:

Thầy cho các con hiểu rằng: Buổi tạo Thiên lập Địa, Thầy sanh loài người ra nhằm ngày Dần “Nhân sanh ư Dần”. Vậy từ đây, Thầy dùng các con làm tay chơn mà gây dựng nền Chánh giáo. Lại cũng kể ngày nay là ngày phát khởi nguồn Đại Đạo, lấy hiệu Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ”.⁽¹⁾

Thánh Ngôn Hiệp Tuyển bản thứ nhứt phát hành năm 1928 có bài đàn giao thừa Đinh Mão 1927. Đức Chí Tôn dạy chư vị Tiên bối Khai Đạo:

“Trung, Cu, Tắc, mấy con nhớ đêm nay năm rồi thế nào, còn nay ra thế nào chẳng? Thầy lập Đạo năm rồi ngày này thì môn đệ của Thầy chỉ có 12 đứa (...)

Thầy hỏi nếu chẳng phải quyền hành Thầy, dù cho một vị Phật thiết lớn giáng thế đi nữa cũng chưa có phương chi mà độ hơn bốn muôn sanh linh... trong một năm choặng bao giờ”.

Thầy lập Đạo có nghĩa là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ được Đức Chí Tôn lập nên hay bắt đầu tượng hình và phát triển. Thiên thư sổ bộ nơi Thiên đình ghi nhận.

⁽¹⁾ Lịch Sử Đạo Cao Đài quyển 1 - Khai Đạo trang 201.

Là một trong những người có tham dự việc đi lập đàn qua từng nhà các môn đệ đầu tiên của Đức Cao Đài vào đêm cuối năm Ất Sửu, khi nhắc lại nội dung và thời điểm buổi lập đàn tại nhà Ngài Lê Văn Trung vào giao thừa Bính Dần, Ngài Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu đã ghi lại trong Quyển Đại Đạo Căn Nguyên được phát hành vào đầu thập niên 30:

“Tái cầu lại (nhằm 11 giờ khuya, giờ Tý năm Bính Dần)

Kể từ thời khắc ấy danh từ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ chánh thức hiện hữu, bước vào kho tàng văn hóa tâm linh của nhân loại.

Trong lịch sử diễn tiến của nhân loại nơi địa cầu này, việc xuất hiện Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là một sự kiện hy hữu! Như lời của Đức Lý Giáo Tông 60 năm sau đã nói:

“Tam Kỳ Phổ Độ là một giai đoạn quan trọng trên lịch sử diễn tiến của nhân loại trong kỳ Hạ Nguơn.

Đây là thời kỳ có một không hai trong quá trình tiến hóa tâm linh nhân loại. Vì được điểm phúc hồng ân lớn lao duy nhất: Thượng Đế giáng trần lập đạo cứu độ và tận độ nhân loại”.⁽²⁾

Ở yếu tố thời gian, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ được Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế Cao Đài Giáo Chủ - Đấng Tạo Hóa lập Đạo vào thời điểm cuối ngày dương lịch 12.02.1926 nhưng lại vào giờ Tý đầu năm Bính Dần âm lịch.

Các con số này có ý nghĩa giá trị gì không hay chỉ là những chữ số chỉ có ý nghĩa đánh dấu thời điểm lịch sử của sự kiện mà thôi?

1. Nhìn tổng quát

Chúng ta thấy thời điểm này chứa đựng hai chữ số tượng trưng cho Đấng Tạo Hóa là con số 1 và số 12.

Số 1 được tượng trưng bởi giờ Tý, ngày mùng 1 và tháng Giêng.

Số 12 được tượng trưng bởi ngày 12.

▪ Về con số 1:

Ý nghĩa số 1 đã được Thầy giải thích:

⁽²⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Hội thời 11 tháng 8 Bính Dần (14.9.1986).

*“Thầy lược giải huyền vi số Một,
 Một vốn là trụ cột Càn Khôn;
 Một sanh Thái Cực Chí Tôn,
 Một là nhứt quán vĩnh tồn trường sanh.
 Một là vốn diệu linh tấn hóa,
 Một mà sanh tất cả muôn loài;
 Khắp trong vũ trụ rộng dài,
 Đều do một Đạo, cao dày hóa sanh”.* ⁽³⁾

▪ Về con số 12:

Thánh Ngôn Hiệp Tuyển có ghi lời của Thầy:

“Thập nhị Khai Thiên là Thầy, Chúa cả Càn Khôn Thế Giới, nắm trọn Thập nhị thời Thần vào tay. Số mười hai là số riêng của Thầy” ⁽⁴⁾

Qua những dẫn chứng trên cho thấy hai con số gồm số 1 và số 12 thể hiện tính âm dương của ngôi Tạo Hóa. Một con số “Dương sinh” và một số “Âm thành”.

2. Các con số tượng trưng theo Đạo số

Tín hữu Cao Đài chúng ta học Thánh Ngôn, tin theo lời dạy nhưng nếu được ai đó trong các đạo hữu trẻ hỏi căn cứ vào đâu mà số 12 được xem là số riêng của Đấng Tạo Hóa thì quả thật khó có câu trả lời đủ sức thuyết phục! Vì như chính Thầy từ lúc sơ khai đã nói:

“Còn lạy Thầy mười hai lạy là tại sao? Các con không biết đâu?” ⁽⁵⁾

Về sau, số 12 đã được Thánh giáo giải thích thêm theo Dịch số.

Phải 45 năm sau, trong một đàn cơ giải thích Dịch Lý ở Tam Tông Miếu thuộc Chi Minh Lý Đạo, Đức Thánh Trần đã cung cấp cho chúng ta lời giải con số 12 từ đâu mà ra:

“Trần Hưng Đạo (...)

Hồng Phạm Cửu Trù là một Hiến chương tu thân xử thế gồm 9 loại, một qui luật trị nước an dân cao cả dựa theo Lạc thư mà chia thành 3 ngươn 9 số:

⁽³⁾ Tiền bối Phan Trường Mạnh - Chánh Hội Trưởng Tt Cầu Kho (Sài Gòn) có ghi lại trong tạp chí Đại Đồng số 7 tr.15 (Juillet 1939).

⁽⁴⁾ Đàn 13 tháng giêng Bính Dần (25 Février 1926).

⁽⁵⁾ Đàn 13 tháng giêng Bính Dần (25 Février 1926).

Thượng nguyên là phần Trời, gồm 3 số: 1, 4, 7

Trung nguyên về ba thân của Hoàng Cực, cũng 3 số: 2, 5, 8

Hạ nguyên là phần vạn dân nhơn loại, có những số: 3, 6, 9

Số của Trời: $1 + 4 + 7 = 12$; tự thân người: $2 + 5 + 8 = 15$; quần dân bá tánh gồm những số: $3 + 6 + 9 = 18$ ". ⁽⁶⁾

Bài Thánh giáo đã giải thích ý nghĩa đạo lý của các chữ số 12, 15⁽⁷⁾, 18. Từ nội dung bài Thánh giáo trên, khi chúng ta sử dụng để lý giải sự kiện giao thừa Bính Dần thì thấy:

Theo Dương lịch:

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là tên chánh thức của một nền tôn giáo mới hay là Cao Đài giáo. Danh từ mới này bắt đầu xuất hiện nơi thế gian này từ 23 giờ ngày 12.02.1926.

- Giờ: 23. Cộng lại thành số 5.
- Ngày: 12.
- Ngày Tháng: 12.02. Cộng lại thành số 5.
- Năm 1926. Cộng lại thành số 18.

Phân tích các con số của Dương lịch cho chúng ta được 3 con số 12, 5, 18 như bài Thánh giáo đã giải thích.

Còn theo Âm lịch:

Lệnh dạy thực hiện việc “truyền Đạo” cho đại cao đồ Ngô Văn Chiêu, truyền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ vào đời sống đã được khởi đầu vào giờ Tý mùng 1 tháng giêng Bính Dần.

“Chiêu buổi trước hứa lời truyền Đạo cứu vớt chúng sanh, nay phải y lời mà làm chủ điều dắt cả môn đệ Ta vào đường đạo đức đến buổi chúng nó thành công, chẳng nên thoái thác. Phải thay mặt cho Ta mà dạy dỗ chúng nó”.

- Giờ, ngày, tháng đều tượng trưng cho số 1.
- Tra Lịch Vạn niên, chúng ta thấy ngày mùng 1 khi đó bắt đầu từ giờ Tý ngày Quý Dậu, tháng Dần, năm Dần.

⁽⁶⁾ Minh Lý Thánh Hội, 16 tháng giêng Tân Hợi (1971).

⁽⁷⁾ Đây là số ở vị trí Trung Ương của ngũ phương: 5, 10, 15, ...

Quy ra theo thứ tự của thập nhị thời thần và thập can chi chúng ta được:

Giờ Tý số 1; ngày Quý Dậu gồm các số 3 và 10; tháng Dần số 3 và năm Dần số 3. Tổng cộng các số này chúng ta được: $1+3+10+3+3 = 20$ tương đương số 5. Với người đã học Dịch đều biết Hoàng Cực ở vị trí trung tâm của Ngũ phương cho nên ở chu kỳ thứ nhứt là con số 5, các chu kỳ tiếp theo con số tương ứng sẽ là 10, 15, 20, 25, ...

Vậy âm lịch cho chúng ta 2 con số 1 và 5.

Cả hai lịch âm và dương đều cung ứng số 5 của Hoàng Cực.

Tổng hợp ý nghĩa các chữ số.

Đức Tạo Hóa - Cao Đài Giáo Chủ phát lệnh khởi công Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ và lệnh “truyền đạo” cho chư vị Tiên Khai trong đàn giao thừa vào thời gian cuối ngày 12.02.1926 dương lịch và diễn tiến sang giờ Tý mùng 1 tháng giêng Bính Dần. Điều này phải chăng hàm chứa ý nghĩa Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ:

- Dẫn dắt nhân sanh đi từ giai đoạn cực âm chuyển sang thời dương phục, vượt qua thời kỳ Hạ Nguơn Mạt Kiếp để chuyển sang thời kỳ âm tiêu dương trưởng.

- Mồng 1 Tết theo Phật giáo là ngày kỷ niệm Đức Di Lạc. Theo tiên tri khi xưa của Phật Thích Ca và theo Thánh giáo Cao Đài, Di Lạc Vương Bồ Tát sẽ làm Hoàng Cực chủ nhân ông Long Hoa Đại Hội.

- Tam Kỳ Phổ Độ này, vạn linh sanh chúng (tượng trưng qua số 18) dự đệ Tam Long Hoa hội. Ai đủ phước đức sẽ được hưởng đời Thượng Nguơn Thánh đức. Và ai song hành Thế Đạo cùng Thiên Đạo có đủ cả phước đức cùng công đức sẽ quy nguyên hiệp nhứt cùng Thầy, nếu hòa hiệp được âm dương, phát huy được Hoàng Cực trong tự thân (tượng trưng qua số 5) mở cửa Thiên môn để huyền đồng cùng Tạo Hóa (tượng trưng qua số 1 và số 12).

KẾT LUẬN

- Tóm lại, khi chúng ta khảo sát ý nghĩa của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ theo Dịch Lý ở khía cạnh Đạo số. Các chữ số biểu trưng dương lịch và âm lịch vào thời điểm xuất hiện danh từ mới này, tên gọi chánh thức theo Thiên thư của tôn giáo mới Cao Đài do Đấng Tạo Hóa Cao

Đài Giáo Chủ lập nên, đã chứa đựng thông điệp gởi đến cho nhân loại vào thời Hạ Nguơn này nguyên lý căn bản:

“Đạo, tức là con đường để cho Thánh, Tiên, Phật đạo trần do theo mà hồi cựu vị. Đạo là đường của các nhơn phẩm, do theo mà lánh khỏi luân hồi.”⁽⁸⁾

▪ Bài Thánh giáo của Đức Thánh Trần giúp chúng ta hiểu vì sao chữ số 12 là số riêng của Thầy.

Thời điểm danh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ bắt đầu xuất hiện vào ngày 12 dương lịch đồng thời là mừng 1 âm lịch là thí dụ điển hình tượng trưng cho ngôi Thái Cực Thánh Hoàng là Giáo chủ của nền tôn giáo mới Cao Đài.

▪ Cao Đài giáo hay Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ xuất hiện khi chu kỳ Đại Tam Nguơn của vũ trụ đang di chuyển dần vào giai đoạn cuối của hội 12 - hội Hối. Thời điểm xuất hiện này vào cuối ngày 12, tượng trưng con số âm cho thời Hạ Nguơn mặt kiếp, nhưng lại bước sang giờ Tý của mừng 1 Tết tượng trưng con số dương khởi đầu Thượng Nguơn.

Thông điệp ẩn áo này có ý nghĩa giá trị rất lớn với 92 ức nguyên nhân đang còn mắc kẹt nơi trường tiến hóa này và với vạn linh sanh chúng.

▪ *“Đây là thời kỳ có một không hai trong quá trình tiến hóa tâm linh nhân loại. Vì được điểm phúc hồng ân lớn lao duy nhất: Thượng Đế giáng trần lập đạo, cứu độ và tận độ nhân loại”.*⁽⁹⁾

Con đường hoàn nguyên của vạn linh (số 18) để hồi cố hương trở lại quy nguyên cùng Tạo Hóa (1 và 12) đều phải qua cửa Hoàng Cực (số 5) mà Thần của Thiên Nhân (số 1) là yếu tố quyết định.

Thời điểm Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ kết thành phôi thai, khởi nguyên cho việc hình thành nền tôn giáo mới Cao Đài trong năm Bính Dần chính là sứ mạng quyền pháp thúc đẩy mọi tôn giáo kết thành thực thể “Đạo cứu thế”, cũng như ngòi gà trong quả trứng vậy.

Xuân Quý Mạo.

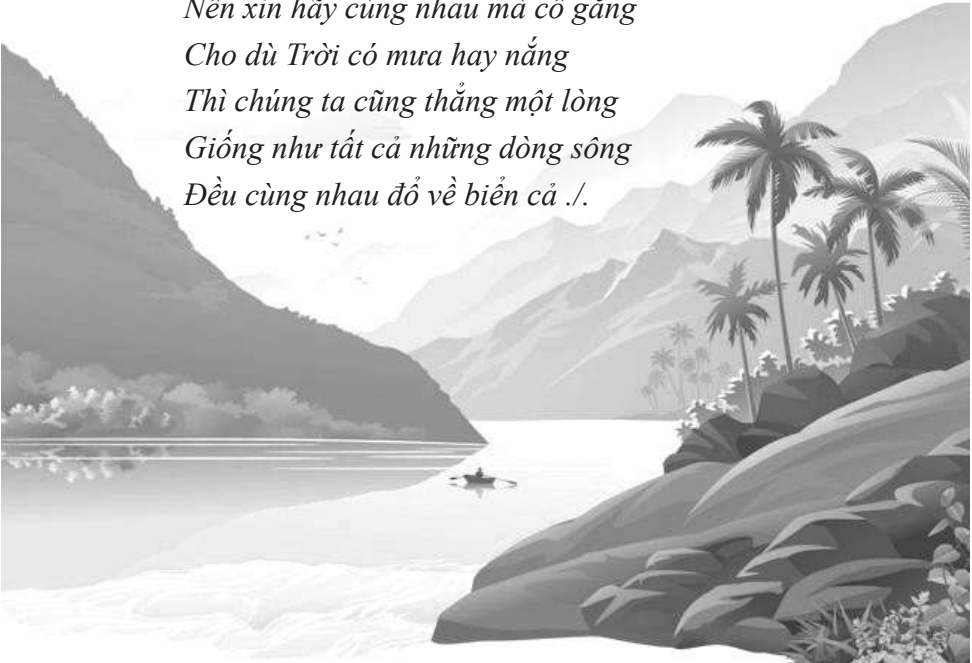
⁽⁸⁾ Thánh Ngôn Hiệp Tuyển 2, bài 01, Chùa Gò Kén năm Bính Dần 1926.

⁽⁹⁾ Đức Lý Giáo Tông, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Hội thời 11 tháng 8 Bính Dần (14.9.1986).

Dòng sông - đời người

Mai Hậu

*Đời người như dòng sông có khúc
Lúc êm đềm lúc dậy sóng phong ba
Nhưng rồi mọi việc cũng sẽ trôi qua
Đó là quy luật muôn đời của Tạo Hóa
Nên hãy vì nhau mà quên đi tất cả
Mọi ưu phiền vất vả của đời thường
Và cùng nhau tìm đến một con đường
Đó là Tình Thương Yêu và Lễ Thật
Dù hôm nay chịu bao điều tất bật
Thì ngày mai cũng sẽ được đền bù
Đó là kết quả dành cho những người tu
Nên xin hãy cùng nhau mà cố gắng
Cho dù Trời có mưa hay nắng
Thì chúng ta cũng thẳng một lòng
Giống như tất cả những dòng sông
Đều cùng nhau đổ về biển cả ./.*



Vậy thôi

Nguyễn Quốc Huân

Tất nhiên là mức đường
Đổ vào ly rồi khuấy
Màu cà phê cứ vậy
Đắng ngọt tùy mình thôi

Chiến chiến vút ngang trời
Kẽ vào mây dòng nhạc
Mình thích thì mình hát
Ai nghe thì nghe thôi

Bài thơ viết xong rồi
Lỡ vất vào máy giặt
Nhớ quên và được mất
Tan bọt xà phòng thôi

Đêm về mệt rã rời
Chợt thấy mình trên vách
Tắt đèn say một giấc
Bóng hình cũng vậy thôi!





Anh nhắc em lời Chúa bảo ban

Đỗ Thị Kết

*Anh nhắc em lời Chúa bảo ban
Thay yếu đuối bằng trái tim quả cảm
Vì ai đó gây tổn thương buồn thảm
Tay vẫn chặt tay, mắt vẫn chân thành
Anh nhắc em lành sẽ trợn lành
Quý kẻ ghét mình mới điều đáng quý
Hãy thể hiện lòng bao dung tha thứ
Vượt qua giận hờn trách móc oán than
Anh nhắc em lời Chúa bảo ban
Dẫu đắm say vẫn không điều khuấy động
Trong sáng bình yên tâm hồn mở rộng
Mở rộng trái tim yêu cả muôn người
Anh nhắc em luôn rạng rỡ môi cười
Dẫu nắng dẫu mưa Chúa đều trang trải
Cho tất cả với tình yêu quăng đại
Cho muôn người trong đó có anh - em.*

Tìm về Yên Tử non thiêng

Đỗ Thị Kết

Giã từ điện ngọc lâu son
Một lòng hướng Phật lên non tu hành
Trúc Lâm Thiền phái lập thành
Danh sơn Yên Tử sử xanh Phật Hoàng
Văn hóa Đại Việt rõ ràng
Hơn tám thế kỷ, kho tàng còn đây
Đỉnh thiêng cao vút tầng mây
Ngẩn ngơ chiêm ngưỡng chốn này, năm xưa
Chí tâm tả mấy cho vừa
Hoàng dương Phật Pháp, tháp chùa dựng xây
Kiến trúc, nghệ thuật hiển bày
Tư tưởng vô giá ngàn sau trường tồn
Khí thiêng sông núi mãi còn
Đại ngàn hùng vĩ tâm hồn an nhiên
Tưởng rằng đây chốn thần tiên
Bồng bênh mây nổi dáng nghiêng nghiêng chào
Bạch Vân gọi gió lao xao
Trúc rừng tao nhã thanh cao vươn mình
Đường tùng sừng sững rộng thênh
Sum sê xanh tỏa khí linh đất trời
Non thiêng Yên Tử gọi mời
Cõi miền an tịnh ai ơi tìm về !



Mê hoa

Phạm Thanh Sơn

Vương vấn hồn ai chút vị hồng.
Lâu ngày không gặp lại nhớ mong.
Đậm đà hương sắc thêm lưu luyến.
Vương vấn hồn ai chút vị hồng.



Vương vấn làm chi, có được gì.
Đêm nằm mộng寐 rõ là si.
Quỳnh kia hương sắc đâu thua kém,
Chỉ nở về đêm mới diệu kỳ.

Vương vấn làm chi cái gọi là,
Hồng, lan, quỳnh, cúc chỉ là hoa.
Sao không chiều sớm lo kinh sám,
Sửa tánh, rèn thân đặng chữ hòa.



Những dòng tâm bút của Minh Trí phản ánh nỗi đau đớn của em cùng những âu lo chăm sóc của cha mẹ và sự chia sẻ của anh chị em đồng đạo. Sống Đạo bày tỏ cảm thông với em và cầu nguyện em giữ được tâm an, luôn luôn gần Thầy gần bạn.

Nhật ký ngày tháng bệnh của em

Đỗ Thị Minh Trí

*Bệnh kỳ lạ kéo dài kể sao cho hết
Căn bệnh em mang đau đớn miệt mài
Nên việc học hành khó khăn gián đoạn
Mỗi tháng bệnh viện em đến chào Bác sĩ.*

*Cho đến một ngày em học đến lớp chín
Em thức khuya dậy sớm thi tốt nghiệp
Rồi em nhận được kết quả không mong
Thi trượt tuyển em gục đầu mà khóc.*

*Mẹ xoa đầu em ân cần và an ủi
Cầm hồ sơ chạy trường khắp các nơi
Cao Đẳng nghề như dang tay chào đón
Ba năm học ba công em đến lớp mỗi ngày.*

*Rồi đến một ngày năm lớp mười hai
Tay em đau không thể cầm bút viết
Ngồi không vững khớp gối ngày càng sưng
Ba mẹ bảo rằng thôi nghỉ dưỡng bệnh con ơi*

*Ngày tháng ở nhà sinh nhật em cũng tới
Lớp Thiếu đoàn Hoa Lư kéo đến thăm em
Tặng cho em một món quà vô giá
Một ngàn sao điều ước và nguyện cầu bình an.*

*Một ngày đó mẹ đi chùa về mang tin vui
Với tinh thần đam mê ca nhạc Đạo
Ca đoàn Thanh Tân đang mở lớp
Hai mẹ con đăng ký thật hăng say.*

Nào lễ khuyến học Từ vân, Các ngày kỷ niệm
Thánh Thất Trung Minh, Trung Hiền đều tham gia
Đi Cà mau, Bến Tre, ra Đà Nẵng
Đi Hà Nội, sóc Bom bo Tiếng hát vang.

Lễ Diêu Trì Kim Mẫu mẹ đến chùa cầu nguyện
Thánh Thất cúng xong mẹ thỉnh nước Cam Lộ
Cô Yến Đào ân nhân tới thăm hỏi
Ân cần giúp đỡ cho em được mạnh lành.

Em ngưng bệnh vì chích thuốc sinh học cho Vẩy nến
Để quên đau đớn Gia Đình Hưng đạo em tham gia
Ngành Thanh Quốc Tuấn đầy nhiệt huyết
Học giáo lý, chuyên môn để dòi trau.

Sau lần em hết bệnh không chích thuốc
Covid, corona lây lan thế giới chúng ta
Chích thuốc ngăn ngừa em lại tái phát ra
Em buồn rầu lại khóc trong đêm ấy.

Các hoạt động dường như ngừng hẳn nữa
Ba mẹ phải ngừng tu tập để chăm sóc cho em
Thức trắng đêm lo sợ em phát sốt
Co giật từng giờ, thức khuya suốt từng đêm.

Nữ Phái, Phước Thiện Xã Đạo liền đến giúp
Ca Đoàn, Hưng Đạo cũng thăm em
Với hy vọng tinh thần em cố gắng
Đừng bao giờ tuyệt vọng và buông xuôi.

Em thấp đèn trời cầu nguyện Thầy Mẹ ơi
Căn bệnh con được điều kỳ diệu
Cho em được nhiều điều hằng mong ước
Mong ba mẹ sức khỏe thật dồi dào
Suốt đời bên con, con mãi nguyện lăm rồi.
Con một lòng tin có Thầy Mẹ trên cao
Hướng mắt xuống trần gian mà cứu giúp...!



Hình ảnh kỷ niệm quà tặng
của Trương Trúc và Trương
Hải và gia đình Thiếu Đoàn
Hoa Lư tặng con với mong
muốn con mau hết bệnh.

THÔNG TIN - ĐẠO SỰ

TANG LỄ CHƯ CHỨC SẮC CÁC TỈNH, THÀNH

• TANG LỄ GIÁO HỮU THÁI KIỆM THANH.



Ngày 26/06/Nhâm Dần (24/7/2022) đạo huynh Giáo hữu Thái Kiệm Thanh, nguyên phụ trách vụ Công lương Tòa Nội chánh, Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài đã quy tiên tại tư gia ở phường Hòa An, quận Cẩm Lệ, Tp. Đà Nẵng, thượng thọ 90 tuổi. Linh cữu an táng tại nghĩa trang Cao Đài Đại La.

Đạo huynh Giáo hữu Thái Kiệm Thanh, thế danh Lê Văn Kiệm, sinh năm Quý Dậu (1933) tại làng Giáo Ái, nay thuộc xã Điện Hồng, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Từ thập niên 60 (thế kỷ xx), CTS Lê Văn Kiệm lập nghiệp tại Quảng Ngãi đã có nhiều đóng góp cho cơ đạo sở tại, góp công hình thành nên cơ sở đạo Cẩm Thành. Sau năm 1975 về lại Đà Nẵng, sinh hoạt tu học tại Thánh thất Trung Đồng; năm 1999 đạo huynh được công cử phẩm Lễ sanh, về Hội Thánh phục vụ tại Cơ quan Phước thiện. Năm 2004 thọ phong Quyền Giáo hữu, làm việc Vụ công lương Tòa Nội chánh. Năm 2008 bá mạng phẩm Giáo hữu. Năm 2012 xin nghỉ dưỡng do lão bệnh.

• TANG LỄ GIÁO HỮU THƯỢNG PHÚC THANH.



Ngày 16/08/Nhâm Dần (11/09/2022) đạo huynh Giáo hữu Thượng Phúc Thanh, nguyên phó Chương quản Cơ quan Phổ tế Hội Thánh, kiêm thư ký Hội Thánh đã quy tiên tại tư gia ở quận Cẩm Lệ, Tp. Đà Nẵng, thượng thọ 82 tuổi. Sáng 19/08/Nhâm Dần, chức sắc Hội Thánh và đồng đạo đưa linh cữu đạo huynh an táng tại Thánh Lâm Phước Địa, xã Hòa Sơn, huyện Hòa Vang, Tp. Đà Nẵng.

Giáo hữu Thượng Phúc Thanh thế danh Văn Phú Phúc, sinh năm Tân Tỵ (1941) tại làng Xuyên Đông, thị trấn Nam Phước, huyện Duy Xuyên, Quảng Nam. Tốt nghiệp hạnh đường Hưng Đức 1. Đạo huynh từng đảm nhiệm Trưởng ban Phổ tế, sau đó làm Trưởng ban Cai quản Thánh thất Trung Bửu. Năm 1997 làm thư ký tổng hợp Tòa Nội chánh. Năm 1998 thọ phong Lễ sanh, năm 2008 được công cử phẩm Giáo hữu, năm 2010 giữ chức phó chương quản Cơ quan Phổ tế.

• TANG LỄ GIÁO HỮU THÁI HIỀN THANH.



Ngày 18 tháng 8 năm Nhâm Dần (13/9/2022), Giáo hữu Thái Hiền Thanh nguyên Phụ tá Đầu Họ Đạo Họ đạo Từ Vân (Sài gòn) đã về cõi vĩnh hằng tại Thánh thất Từ Vân.

Đạo huynh Giáo hữu Thái Hiền Thanh tên thật là Thái Văn Hiền sinh ngày 02/01/1924 tại thôn La Hòa, xã Điện Phước, phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Đạo huynh là con trai đầu trong gia đình có 3 anh chị em, 1 trai 2 gái.

Sinh ra nhằm thời chiến tranh nên đến năm 19 tuổi (1943), Đạo huynh đã bộ hành từ Quảng Nam vào Sài gòn quyết chí lập nghiệp thay đổi cuộc đời. Vào Sài gòn, Đạo huynh may duyên gặp được đồng hương là Đạo trưởng Bạch Hổ đã tận tình cứu mang, giúp đỡ trong việc mưu sinh và hướng dẫn nhập môn tại Thánh thất Từ Vân. Với sự dìu dắt của Đạo trưởng Bạch Hổ, Đạo huynh Thái Hiền Thanh đã nhiệt thành tham gia hành đạo, lập công tại Họ đạo Trung Minh đến năm 1991 được cử nhiệm về Họ đạo Từ Vân để yểm trợ đạo sự tế lễ hằng ngày cũng như các đạo sự độ sanh, độ tử. Ngày 2/9/Quý Dậu (21/3/1993): Đạo huynh Lễ sanh Thái Hiền Thanh được bổ nhiệm chức vụ Phụ tá Đầu Họ Đạo.

Trong thời gian hành đạo tại Họ đạo Từ Vân, với nhiệm vụ của mình, Đạo huynh Thái Hiền Thanh đã chuyên tâm lo việc quan hôn tang tế cho bốn đạo; cùng Ban Cai quản thực hiện công việc thu hồi

khuôn viên Thánh sở bị các hộ dân chiếm dụng, tham gia tái thiết Thánh sở và xây dựng lại ngôi tam đài của Thánh thất, tham gia các hoạt động từ thiện xã hội, tham gia hướng dẫn sinh hoạt tu học cho Thanh thiếu niên và tạo điều kiện để nhiều thế hệ sinh viên con em nhà đạo lưu trú tại Thánh thất. Đến năm 2002: Hội Thánh ban quyết định cầu hàm phong phẩm vị Giáo hữu cho Đạo huynh Thái Hiền Thanh vào ngày 15/9/Nhâm Ngọ (20/10/2002).

Trong suốt thời gian gần 40 năm hành đạo, đặc biệt là thời gian hành đạo tại Họ đạo Từ Vân từ năm 1991, Đạo huynh tận tụy gánh vác đạo sự nơi đây với nhiều công việc nguy khó. Tuổi về già, Đạo huynh được gia đình tận tình chăm sóc, bổn đạo luôn thăm hỏi, viếng thăm nhưng do tuổi cao sức yếu, sức đã mòn lực đã kiệt, mệnh Trời đã mãn nên Đạo huynh đã ra đi vào cõi vĩnh hằng vào giờ Ngọ ngày 18 tháng 8 năm Nhâm Dần nhằm ngày 13/8/2022 hưởng thượng thọ 99 tuổi.

• TANG LỄ LUẬT SỰ HÀM PHONG NGUYỄN THANH TÁM



Ngày 29/9 /Nhâm Dần (24/9/2022) Đạo Huynh Luật Sự Hàm Phong Nguyễn Thanh Tám đã quy tiên tại Tư gia, Điện Bàn, Quảng Nam, thượng thọ 80 tuổi.

Đạo Huynh sinh năm Giáp Thân (1944) trong một gia đình nho giáo thuộc hàng trung lưu, được gia giáo từ cụ Ông Nguyễn Như Tráng, nguyên là Giáo Hữu Ngọc Tráng Thanh.

Năm 1956-1965 sinh hoạt tại Thánh Thất Trung Thành. Từ 1965 đạo huynh là Phó Chi Đoàn Thanh Niên Hưng Đạo tại Thánh Thất Trung Đức đến năm 1988.

Năm 1964 kết duyên cùng hiền Tỷ Phan Thị Lộc hiện là Lễ sanh hàm phong tại Thánh Thất Trung Bửu. Năm 1988 đạo huynh được bầu vào ban Chi Hội Phước Thiện. Năm 1993 đạo huynh cùng một số vị trình Hội Thánh cho thành lập Thánh Thất Trung Bửu và giữ chức vụ Trưởng Ban Cai Quản. Đến năm 1995 Đạo Huynh làm Tùg Sĩ Quân

và Trưởng Ban Minh Tra của Họ Đạo. Từ 2001-2006 làm quyền Đầu Họ lo mọi việc của Họ Đạo từ tế lễ đến hành chánh đạo. Năm 2006 ngành Bảo Pháp Hiệp Thiên Đài của Hội Thánh đã cử Đạo Huynh làm chức vụ Luật Sự Miền trông coi việc bảo pháp các Họ Đạo thuộc tỉnh Quảng Nam. Năm 2012 Đạo Huynh được Thọ lãnh bậc tu thượng thừa là Tam bảo Hoàn châu. Năm 2013 được Hội Thánh Hàm Phong Phẩm vị Luật Sự. Đến năm 1999 Đạo Huynh được bầu làm thư ký của Tịnh Thất Thanh Đà cho đến hôm nay.

• HỌ ĐẠO TỪ VÂN (Sài gòn) TỔ CHỨC LỄ LIÊN GIAO HÀNH ĐẠO NĂM NHÂM DẦN - 2022

Ngày 20/8/Nhâm Dần (15/9/2022) nhân lễ Vía Đức Thánh Trần Tổng Lý, Họ đạo Từ Vân long trọng tổ chức lễ LIÊN GIAO HÀNH ĐẠO.

Đến tham dự lễ có sự hiện diện của Anh lớn Giáo sư Thượng Văn Thanh, Chủ quản Cơ quan Phổ tế Hội Thánh cùng chư chức sắc đại diện Hội Thánh tại Thành phố Hồ Chí Minh và đông đảo bốn đạo ba Họ đạo Trung Minh, Trung Hiền, Từ Vân cùng quý Thánh thất, Thánh Tịnh, Cơ quan đến tham dự.

Buổi lễ còn có sự hiện diện của Linh mục Bảo Lộc cùng quý Linh mục, quý Nữ tu đang sinh hoạt tại Trung tâm Mục Vụ, Giáo phận Sài gòn. Ngoài ra, còn có đại diện của Ban Tôn giáo Thành phố, Mặt trận tổ quốc quận Phú Nhuận và các ban ngành các cấp của chính quyền địa phương đến tham dự và chúc mừng.



LỄ LIÊN GIAO HÀNH ĐẠO vào ngày lễ Vía Đức Thánh Trần Tổng Lý sẽ được Họ đạo Từ Vân tổ chức hằng năm để thắt chặt mối dây hòa ái giữa huynh đệ đồng đạo cũng như các tôn giáo bạn.

**DANH SÁCH CÔNG QUẢ ẤN TỔNG
SỐNG ĐẠO KỲ 4/2022 NHÂM DẦN**

LIÊN LẠC VỚI SỐNG ĐẠO:

Email: **songdao@gmail.com**

Quý Họ Đạo và chư đạo tâm công quả ấn tống chuyển khoản về LÊ HỒ PHƯƠNG LINH, số tài khoản 100077429, Ngân Hàng Thương Mại Á Châu (ACB) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

ĐT Phương Linh: 0904 780 384

Danh sách công quả ấn tống xin gửi: NGUYỄN THỊ ANH, ĐT: 0918 705 268. Email: **anhcn7@gmail.com**

Bài vở gửi nơi khác không gửi Sống Đạo.

Quý bạn cần đọc Sống Đạo qua email vui lòng thông báo địa chỉ cho Sống Đạo: **songdao@gmail.com**.

Đặt và nhận, tăng hay giảm số lượng Sống Đạo, liên hệ NGUYỄN THÀNH MẶN.

ĐT: 0908 152 988

BỆNH TẬT

Ngọc Anh

Sanh, lão, bệnh, tử là những điều không một ai có thể tránh khỏi.

Bệnh là quá trình hoạt động không bình thường của cơ thể sinh vật; có thể gặp ở người, động vật, thực vật do nhiều nguyên nhân: Bản thân có khuyết tật di truyền hay rối loạn sinh lí. Bệnh do hoàn cảnh sống: nóng hay lạnh quá, ô nhiễm môi trường... Bệnh do vi khuẩn, virus...

Ngày nay, do sự tiến bộ của Khoa học ngoại trừ các bệnh về di truyền chỉ có thể phòng ngừa; đa số các bệnh đều có thể điều trị lành được, kể cả những bệnh ngày xưa cho là bất trị như lao...

Tuy nhiên với một số đạo hữu có thể mắc thêm một số bệnh như:

- Bệnh hay nói nhiều, lâu ngày gặp nhau trao đổi hỏi thăm sức khỏe là bình thường. Thế nhưng cần đúng lúc, đúng nơi chứ đừng đứng trước bữa tiệc chờ vào cúng cũng nói cười, ngay khi đã vào trong bữa tiệc vẫn cứ nói. Mùa hội tịch, sau giờ cúng Tý đã hơn nửa đêm cũng trò chuyện ảnh hưởng đến giấc ngủ người khác.

- Bệnh hay to tiếng đề lấn át người khác: trong các buổi họp, một vài anh chị thường muốn bảo vệ ý kiến của mình thường nói to, bất chấp góp ý của mọi người mà quên rằng “Có ý hay cũng phải được tán thành”, họ luôn cho mình là đúng, và khi có người bắt bẻ lại bảo chữa là: “tính tôi như thế, ăn ngay nói thẳng” mà quên lời dạy:

Nói lời nhỏ nhẹ khiêm nhường,

Nói lời đạo lý đường đường chánh chơn.

Bỏ những lời nói thiệt hơn,

Bỏ lời vọng ngữ xảo ngôn hỗn hào.

(Nữ Trung Tòng Phận, trang 168)

Tật là trạng thái không bình thường ở bộ phận cơ thể do bẩm sinh hoặc hậu quả của tai nạn, bệnh trạng gây nên: tật nói ngọng, nói lắp, khiếm thính..., thường không trị được.

Tật còn có nghĩa là những thói quen xấu khó sửa mà vài đạo hữu chúng ta hay vướng. Ví dụ: khi vào tịch trường thì thích ngồi trước, vào Bữa tiệc cúng thì thích quì trước và quì ở Thượng đàn mà quên: “Nhỏ sau lớn trước trừ hàng Thiên phong”. Nên nhớ: ăn coi nồi, ngồi coi hướng! Lại còn có những huynh tỷ thích những công việc khi mình làm ai cũng thấy cũng biết, né tránh những đạo sự phục vụ âm thầm, dồn việc cho người khác với lý do: tôi bận tu, bận việc nhà!

Là người tín hữu Cao Đài, chúng ta cần luôn tu tâm dưỡng tánh, thực hiện sống đạo bằng cách luôn khiêm tốn, thương yêu và sẵn sàng giúp đỡ mọi người như lời dạy của Đức Quan Thánh Đế Quân (đàn 21-8 Canh Tý- 1960).

“Tu hành khoan luận cao xa,

Tu lời ăn nói, tu qua việc làm.

SỐNG ĐẠO XUÂN QUÝ MÃO 2023-1

- Chung niên sám hối.
- Kỷ Niệm Hộ Đạo Thiên Quân Trần Nguyên Chắt (30/12).
- Xuân Quý Mão (2023).
- Thánh Đán Đức Chí Tôn (09/01).
- Lễ Thượng Nguơn (15/01).
- Danh nhân văn hóa:
 - + *Hải Thượng Lãn Ông (15/01/AL).*
 - + *Alexander Yersin (01/03/DL).*

Mời quý huynh tỷ viết bài và đón xem.

Hạn nhận bài: 1/11/Nhâm Dần.

Sống Đạo.



SÁCH ẤN TỔNG